

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: 2289 /UBND-TH

V/v tiếp thu ý kiến chỉ đạo của  
Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ  
Tỉnh ủy; ý kiến thẩm tra của Ban  
KTNS và trả lời ý kiến thảo luận của  
các Tổ Đại biểu HĐND tỉnh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 06 tháng 7 năm 2023

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 22/6/2023, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 23/6/2023; ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh tại Báo cáo số 39/BC-HĐND-KTNS ngày 19/6/2023 và Công văn số 215/HĐND ngày 28/6/2023 của Thường trực HĐND tỉnh về việc đề nghị xem xét, trả lời ý kiến, kiến nghị của đại biểu HĐND tỉnh, kèm theo Báo cáo số 213/BC-HĐND ngày 28/6/2023 của Thường trực HĐND tỉnh về tình hình và kết quả thảo luận tại phiên họp Tổ đại biểu HĐND tỉnh trước kỳ họp thứ 11, HĐND tỉnh khóa X,

Qua rà soát, tổng hợp (Công văn số 1658/SKHĐT-ĐT ngày 05/7/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư), Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và trả lời như sau:

**I. Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023**

1. *Ý kiến của Tổ đại biểu đơn vị thành phố Đồng Xoài và huyện Đồng Phú: Đề nghị UBND tỉnh phân tích và đánh giá thêm đối với 2 chỉ tiêu: Tỷ lệ thất nghiệp thành thị dưới 3%; Tỷ lệ lao động được giải quyết việc làm 75%. Bên cạnh đó, hai yếu tố trên ảnh hưởng đến thu nhập bình quân đầu người, đề nghị xem xét và đánh giá đúng thực tế các chỉ tiêu nêu trên.*

*Trả lời:*

Trong thời gian qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả công tác phát triển thị trường lao động, tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo nhu cầu thị trường lao động, kết nối cung - cầu lao động trên thị trường, triển khai thực hiện các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ tạo việc làm cho người lao động để giải quyết việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp.

Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong khu vực thành thị qua các năm đã giảm dần, cụ thể: Năm 2020 là 4,73%, năm 2021 là 3,11%, năm 2022 tuy chịu tác động của dịch Covid-19 nhưng vẫn duy trì dưới 3,5%, năm 2023 Nghị quyết HĐND tỉnh đề ra chỉ tiêu là phấn đấu giảm tỷ lệ này xuống dưới 3% để tiếp tục phục hồi, phát triển kinh tế. Ước thực hiện 6 tháng đầu năm đã đưa tỷ lệ lao động khu vực thành thị đạt 3%, phấn đấu duy trì đến cuối năm đạt chỉ tiêu Kế hoạch đã đề ra.

Chỉ tiêu lao động được giải quyết việc làm Kế hoạch năm 2023 đề ra là 40.000 người, ước 6 tháng đầu năm thực hiện giải quyết việc làm cho 30.000 người, đạt 75% Kế hoạch. Do đó, đánh giá đến cuối năm có khả năng thực hiện hoàn thành và vượt chỉ tiêu này.

Đối với thu nhập bình quân đầu người, đây là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh giá trị mới của hàng hóa và dịch vụ được tạo ra của toàn bộ nền kinh tế trong một khoảng thời gian nhất định tính bình quân cho một người dân; được tính bằng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) chia cho dân số trung bình. Do vậy, tỷ lệ thất nghiệp thành thị và lao động được giải quyết việc làm không ảnh hưởng nhiều đến chỉ tiêu GRDP bình quân đầu người của tỉnh.

*2. Đề nghị UBND tỉnh giải trình về công tác chỉ đạo, điều hành kinh tế - xã hội, dự toán thu-chi ngân sách và thực hiện một số dự án trọng điểm.*

*Trả lời:*

Năm 2023 là năm bận lè, giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021-2025. Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2412/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 giao chỉ tiêu kinh tế xã hội cụ thể cho các sở, ban, ngành, địa phương.

Với quyết tâm cao trong chỉ đạo và điều hành, căn cứ vào các Kết luận, Nghị quyết của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, với tinh thần “Đoàn kết kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới sáng tạo, kịp thời hiệu quả”, ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 36/CTr-UBND ngày 03/02/2023 thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023, trong đó xây dựng 11 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm và đề ra 93 danh mục nhiệm vụ cụ thể trong năm 2023. Đồng thời, tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện các giải pháp Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội để đưa nền kinh tế của tỉnh sớm vượt qua khó khăn, không lỡ nhịp với tiến trình phục hồi kinh tế của cả nước.

Cùng với sự nỗ lực, cố gắng của cả hệ thống chính trị; sự chỉ đạo điều hành quyết liệt của UBND tỉnh và các cấp, các ngành; sự chung tay góp sức của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2023 của tỉnh tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực: Tốc độ tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm của tỉnh ước đạt 7,27%, đây là mức tăng cao nhất so với vùng Đông Nam Bộ và đứng thứ 14 so với cả nước; sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ và du lịch đều tăng; công tác thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI), phát triển doanh nghiệp và phát triển hợp tác xã có nhiều khởi sắc. Lĩnh vực văn hóa - xã hội đạt nhiều kết quả tích cực, công tác an sinh xã hội được chú trọng, đời sống người dân được cải thiện; hoạt động chăm lo cho các đối tượng chính sách, khó khăn, người nghèo, người lao động được triển khai kịp thời, hiệu quả. Tai nạn giao thông giảm số vụ, hạn chế tối đa số người bị thương.

Về thực hiện dự toán thu - chi ngân sách, trong quá trình điều hành UBND tỉnh đã bám sát các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2023. Tập trung khai thác các nguồn thu và đẩy mạnh các biện pháp chống thất thu ngân sách nhà nước. Tổ chức điều hành chi NSNN năm 2023 theo dự toán được giao đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; các chính sách an sinh xã hội được đảm bảo. Đối với việc giải ngân cho các dự án được bố trí từ nguồn thu bán đấu giá quyền sử dụng đất các dự án khối tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 810/UBND-TH ngày 13/3/2023, trong đó ưu tiên thực hiện giải ngân cho các dự án đã có khối lượng khi nguồn thu từ bán đấu giá quyền sử dụng đất được huy động vào ngân sách nhà nước.

Về thực hiện các dự án trọng điểm của tỉnh:

(1) Dự án xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đăk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước), tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 25.540 tỷ đồng, vốn ngân sách nhà nước tham gia thực hiện dự án 12.770 tỷ đồng, bao gồm vốn ngân sách địa phương là 2.233,5 tỷ đồng; vốn ngân sách trung ương là 6.666,5 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách trung ương đã phân bổ trong điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 1.766,5 tỷ đồng; vốn tăng thu NSTW năm 2022 là 4.900 tỷ đồng; số vốn còn lại 3.870 tỷ đồng đưa vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn sau. Vốn nhà đầu tư tham gia vào dự án là 12.770 tỷ đồng.

Hiện nay, dự án đã được UBND tỉnh góp ý Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải và đơn vị tư vấn đang hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi để trình Chính phủ, Bộ, ngành trung ương thẩm định trong tháng 8 năm 2023 và trình Quốc hội xem xét, quyết định chủ trương đầu tư dự kiến trong tháng 10 năm 2023.

(2) Dự án xây dựng đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn 7km qua thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đầu tư công, dự kiến tổng mức đầu tư là 1.474 tỷ đồng, trong đó ngân sách tỉnh đã bố trí 314 tỷ đồng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; dự kiến ngân sách trung ương hỗ trợ từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022 là 1.000 tỷ đồng. Hiện nay, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải và Ban QLDA ĐTXD tỉnh đang hoàn thiện thủ tục để trình HĐND tỉnh vào kỳ họp cuối năm 2023 khi Chính phủ có quyết định giao vốn.

(3) Đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn ĐT.753 - ranh Bình Dương) tỉnh Bình Phước, dự kiến tổng mức đầu tư là 960 tỷ đồng. Do đến nay chưa giải quyết được thủ tục chấm dứt hợp đồng dự án đầu tư xây dựng đường Đồng Phú - Bình Dương, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước theo hình thức xây dựng - kinh doanh - chuyên giao (BOT) giai đoạn 1, nên không đủ điều kiện để trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn ĐT.753 - ranh Bình Dương), tỉnh Bình Phước. UBND tỉnh sẽ trình tại kỳ họp gần nhất khi thủ tục được đảm bảo.

*3. Đề nghị rà soát công tác đầu tư công, các dự án khởi công mới năm 2023 để có giải pháp điều chỉnh cho phù hợp.*

*Trả lời:*

Tại kỳ họp thứ 8, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X đã thông qua Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023. Tuy nhiên, do tiền sử dụng đất khôi phục năm 2023 ước 6 tháng đầu năm hụt thu 1.700 tỷ đồng so với dự toán, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư tiến hành rà soát quá trình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công 06 tháng đầu năm, qua đó đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023, hạn chế dự án khởi công mới, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và tình hình thực tế của địa phương.

*4. Các chỉ tiêu thu hút đầu tư trong nước, số doanh nghiệp thành lập mới đạt thấp so với kế hoạch, tạo áp lực rất lớn cho nhiệm vụ 6 tháng cuối năm. Đề nghị cho biết giải pháp để hoàn thành kế hoạch đề ra.*

*Trả lời:*

Giải pháp đẩy mạnh thu hút đầu tư trong nước và doanh nghiệp thành lập mới nhằm hoàn thành kế hoạch đã đề ra, cụ thể như sau:

(1) Đẩy nhanh phê duyệt các quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch phân khu, quy hoạch sử dụng đất theo hướng đồng bộ, thống nhất, liên kết, bảo đảm phát huy, sử dụng có hiệu quả tiềm năng lợi thế của tỉnh, gắn với tái cấu kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng. Đặc biệt, là quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(2) Rà soát quy hoạch, quy đât bố trí đầu tư xây dựng nhà ở xã hội các dự án đầu tư nhà ở thương mại, khu đô thị, sân golf, xử lý rác thải... trên địa bàn tỉnh để công khai, giới thiệu cho các doanh nghiệp có đủ năng lực nghiên cứu, đề xuất đầu tư.

(3) Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư trong nước; đặc biệt là thu hút đầu tư vào những ngành có giá trị gia tăng cao; thu hút những nhà đầu tư lớn, đồng thời quan tâm thu hút các nhà đầu tư vừa và nhỏ phù hợp với từng lĩnh vực, từng địa bàn.

(4) Tiếp tục đẩy mạnh công khai kế hoạch và các thủ tục đầu tư bằng nhiều hình thức. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin kinh tế - xã hội, quy hoạch, định hướng thu hút đầu tư của tỉnh cho các nhà đầu tư.

(5) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo bước chuyển thật sự về chất, tăng cường mối quan hệ giữa các cơ quan hành chính với doanh nghiệp, công dân nhằm khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư. Tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành để hỗ trợ các nhà đầu tư, doanh nghiệp; chủ động nghiên cứu đề xuất cải tiến các thủ tục đầu tư, kinh doanh nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.



*5. Ý kiến của Tổ đại biểu đơn vị thị xã Phước Long, huyện Bù Đốp và huyện Bù Gia Mập: Cơ cấu kinh tế (Công nghiệp - Xây dựng) chưa đạt theo kế hoạch. Đề nghị cho biết nguyên nhân và giải pháp.*

*Trả lời:*

Trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế thế giới và trong nước, 6 tháng đầu năm doanh nghiệp sản xuất ngành công nghiệp của tỉnh gặp nhiều khó khăn về vốn, đơn đặt hàng giảm, thị trường tiêu thụ bị thu hẹp; một bộ phận công nhân lao động ở các khu công nghiệp giảm giờ làm, ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống của công nhân lao động, do đó cơ cấu kinh tế 6 tháng đầu năm của tỉnh ngành Công nghiệp - Xây dựng chỉ chiếm tỷ trọng 40,26% (Kế hoạch đề ra là 47,6%). Đáng chú ý là tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp quý II/2023 của tỉnh đạt 8,85% (cả nước tăng 1,56%), điều này cho thấy ngành công nghiệp của Bình Phước có sự phục hồi nhanh trong bối cảnh khó khăn chung của cả nước.

Để đẩy mạnh sản xuất ngành Công nghiệp 06 tháng cuối năm 2023 nhằm đạt cơ cấu kinh tế theo Kế hoạch đề ra, UBND tỉnh tập trung chỉ đạo thực hiện một số giải pháp trọng tâm như sau:

(1) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết 11/NQ-CP của Chính phủ.

(2) Triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp kích cầu tiêu dùng nội địa của Chính phủ; đẩy mạnh cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Nâng cao hiệu quả xúc tiến thương mại, đa dạng hóa thị trường, sản phẩm, chuỗi cung ứng xuất khẩu; tận dụng cơ hội của các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết.

(3) Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tập trung giải quyết kiến nghị và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Tích cực tháo gỡ khó khăn, phát triển thị trường bất động sản, nhà ở xã hội. Phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ phản ứng nhanh và Tổ rà soát quản lý, sử dụng đất đai của tỉnh để đảm bảo đúng quy định pháp luật.

(4) Tăng cường cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, thực hiện hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ, nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy mạnh mẽ hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

*6. Đầu giá quyền sử dụng đất không đạt kế hoạch, do ảnh hưởng các chính sách chung về đất đai và suy giảm thị trường bất động sản. Đề nghị có phương án điều hành chi xây dựng cơ bản phù hợp với các phương án giảm thu tiền sử dụng đất trong 6 tháng cuối năm 2023.*

*Trả lời:*

Trước tình hình khó khăn chung về công tác đấu giá quyền sử dụng đất, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các ngành, chủ động tháo gỡ những khó khăn vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ đấu giá quyền sử dụng đất các dự án. Quá trình điều hành thu-chi ngân sách 6 tháng cuối năm, nếu tiếp tục gặp khó khăn, thu tiền sử dụng đất không đạt so với dự toán điều chỉnh,

UBND tỉnh sẽ báo cáo HĐND tỉnh thông qua Kế hoạch cắt giảm chi đầu tư công tương ứng theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

## **II. Đối với các dự thảo Nghị quyết trình tại kỳ họp**

### *1. Nghị quyết thông qua Kế hoạch bổ sung vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025*

Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách, UBND tỉnh điều chỉnh nội dung tại Điều 1 của dự thảo Nghị quyết như sau: “Điều 1. Thông qua kế hoạch bổ sung vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 với tổng vốn là 221 tỷ 246 triệu đồng, trong đó bổ sung ngân sách trung ương là 163 tỷ 246 triệu đồng, ngân sách địa phương là 58 tỷ đồng”

*(Kèm theo dự thảo Nghị quyết lần 2 đã tiếp thu, chỉnh sửa)*

### *2. Nghị quyết kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 sang năm 2023 nguồn ngân sách địa phương*

*2.1. Báo cáo thẩm tra của Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh phân tích, bổ sung nguyên nhân kéo dài thời gian thực hiện giải ngân các dự án.*

*Trả lời:*

\* Nguyên nhân khách quan:

(1) Vốn đầu tư từ tiền sử dụng đất chiếm tỷ trọng lớn 62,2 % (4.518 tỷ 326 triệu đồng/7.261 tỷ 382 triệu đồng) trên tổng vốn đầu tư công toàn tỉnh; trong đó, có 8/11 huyện, thị xã, thành phố có vốn đầu tư từ tiền sử dụng đất trên 70% tổng số vốn phân cấp của khối huyện nên tỷ trọng giải ngân cho các dự án từ nguồn vốn này ảnh hưởng rất lớn đến tỷ lệ giải ngân chung của khối huyện. Đồng thời, năm 2022 thu tiền sử dụng đất khối tỉnh đạt thấp (30%), nên ảnh hưởng lớn đến tiến độ thi công và giải ngân vốn các dự án.

(2) Những tháng đầu năm do biến động tăng giá vật tư, nguyên nhiên, vật liệu trên thị trường làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công, vì đa số các hợp đồng xây dựng trên địa bàn là hợp đồng trọn gói, không điều chỉnh giá. Dẫn đến tình trạng một số nhà thầu thi công còn cầm chừng, chưa đầy nhanh tiến độ thi công theo kế hoạch đề ra.

\* Nguyên nhân chủ quan:

(1) Vốn phân cấp các huyện, thị xã, thành phố bố trí còn dàn trải, quá nhiều công trình, quy mô dự án nhỏ, các Ban QLDA xây dựng một số huyện còn thiếu tính chủ động trong công tác chuẩn bị đầu tư; chất lượng đơn vị tư vấn năng lực chưa cao; sau khi được chấp thuận chủ trương đầu tư mới bắt đầu thực hiện và mất thời gian để hoàn thiện thủ tục, dẫn đến thời gian cho thi công trong năm rất ít.

(2) Công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư của nhiều dự án còn vướng mắc, làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công như: Xây dựng đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài; Đường phía Tây QL 13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư tỉnh Bình Phước; Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tỉnh lỵ; Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)...

(3) Công tác phối kết hợp giữa chủ đầu tư với các Sở, ban, ngành và các địa phương chưa kịp thời, thiếu chặt chẽ, nhất là trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng dự án kéo dài. Thiếu sự phối hợp chia sẻ, tháo gỡ khó khăn giữa nhà thầu với chủ đầu tư do biến động tăng giá vật tư, nguyên nhiên, vật liệu trên thị trường.

(4) Trách nhiệm của các sở quản lý chuyên ngành chưa cao trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các dự án do ngành quản lý, theo dõi; thiếu đôn đốc các ngành, địa phương trong đẩy mạnh thực hiện đầu tư để phục vụ cho mục tiêu phát triển của ngành.

*2.2. Báo cáo thẩm tra của Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn tiến hành rà soát, phân tích các nhóm nguyên nhân trong việc thực hiện giải ngân đạt thấp, qua đó xây dựng và trình HĐND tỉnh nội dung đề xuất danh mục các dự án kéo dài thời gian giải ngân vốn đầu tư năm 2022 sang năm 2023 đối với nguồn phân cấp huyện, thị xã, thành phố đảm bảo đúng với các quy định, phù hợp với tình hình thực tế và góp phần nâng cao tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công.*

*Trả lời:*

Tiếp thu ý kiến của Ban KTNS, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư tiến hành rà soát, phân tích, bổ sung các nhóm nguyên nhân và đề xuất danh mục các dự án kéo dài thời gian giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 sang năm 2023 đối với nguồn phân cấp huyện, thị xã, thành phố đảm bảo đúng theo Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ, cụ thể có 03 trường hợp sau:

(1) Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau.

(2) Do biến động tăng giá vật tư, nguyên nhiên, vật liệu trên thị trường làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công và giải ngân vốn.

(3) Dự án do vướng công tác GPMB.

Riêng đối với vốn phân cấp các huyện, thị xã, thành phố, sau khi có Nghị quyết của HĐND tỉnh kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 sang năm 2023 nguồn ngân sách địa phương, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố bổ sung danh mục dự án chi tiết đối với số vốn được kéo dài và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về danh mục dự án kéo dài.

*(Kèm theo dự thảo Nghị quyết lần 2 đã tiếp thu, chỉnh sửa)*

*2.3. Báo cáo thẩm tra của Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh báo cáo làm rõ: Tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 31/3/2022, HĐND tỉnh đã thông qua việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 đến ngày 31/12/2022 nguồn ngân sách địa phương với tổng số vốn là 249 tỷ 651 triệu đồng; tuy nhiên, theo Báo cáo số 181/BC-UBND ngày 15/6/2023 của UBND tỉnh*

*thì tổng kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2022 nguồn ngân sách địa phương là 190 tỷ 051 triệu đồng.*

*Trả lời:*

Theo số liệu thực tế của Kho bạc Nhà nước tỉnh và báo cáo của UBND các huyện, thị xã, thành phố thì tổng kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2022 nguồn ngân sách địa phương là 190 tỷ 051 triệu đồng, thấp hơn 59 tỷ 600 triệu đồng so với Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 31/3/2022 của HĐND tỉnh (249 tỷ 651 triệu đồng).

Nguyên nhân là do sau khi được HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2021, các địa phương thực hiện đổi chiều số liệu và tổng quyết toán vốn đầu tư công đã giảm nguồn vốn do hụt thu tiền sử dụng đất khỏi huyện, nên số vốn kéo dài sang năm 2021 thực tế thấp hơn so với Nghị quyết được giao 59 tỷ 600 triệu đồng. Một số huyện, thị xã chỉ giao vốn theo nhu cầu thực tế của các dự án để thực hiện giải ngân số vốn thanh toán, quyết toán; số vốn còn lại hủy dự toán và địa phương không giao lại.

### *3. Nghị quyết kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023*

*3.1. Báo cáo thẩm tra của Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh làm rõ nguyên nhân đến thời điểm hiện nay còn 264 tỷ đồng chưa được thực hiện giao vốn.*

*Trả lời:*

Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 là 6.019 tỷ 631 triệu đồng; UBND tỉnh đã giao là 5.755 tỷ 631 triệu đồng, thấp hơn 264 tỷ đồng.

Nguyên nhân giao thấp hơn là do: (1) Dự án đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng Chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025 số vốn nguồn ngân sách tỉnh 90 tỷ đồng chưa đảm bảo thủ tục đầu tư do chưa phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi nên chưa giao vốn; (2) Dự án nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế thị xã Bình Long số vốn nguồn NSTW hỗ trợ có mục tiêu 174 tỷ đồng từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội nhưng đến nay Thủ tướng Chính phủ chưa giao danh mục dự án chi tiết nên chưa đủ điều kiện để giao vốn.

*3.2. Báo cáo thẩm tra của Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo, rà soát những hạn chế, bất cập trong công tác thực hiện giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh thời gian qua để định hướng, xây dựng các giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm thực hiện, góp phần nâng cao tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công.*

*Trả lời:*

Tiếp thu ý kiến của Ban KTNS, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư rà soát những hạn chế, bất cập trong công tác thực hiện giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh thời gian qua, đồng thời đề ra nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để nâng cao tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công 6 tháng cuối năm 2023 như sau:

(1) Triển khai thực hiện quyết liệt Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 23/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh phân



bổ, giải ngân vốn đầu tư công, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023; Công điện số 71/CĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Công điện số 13/CĐ-BKHĐT ngày 29/12/2022 và Công điện số 02/CĐ-BKHĐT ngày 22/3/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư vốn NSNN năm 2023; Chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 75/UBND-TH ngày 09/01/2023 và Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 05/4/2023 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, vốn 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023.

(2) Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư: Xem công tác giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên. Đề cao kỷ luật, kỷ cương đầu tư công, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở làm chậm tiến độ giao vốn, giải ngân vốn; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, gắn kết quả giải ngân với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án, nâng cao tính sẵn sàng, tính khả thi và khả năng triển khai thực hiện dự án, nhất là các dự án vốn phân cấp các huyện, thị xã, thành phố; nghiên cứu, có giải pháp căn cơ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công đã tồn tại nhiều năm nhất là công tác đền bù, GPMB, hỗ trợ tái định cư. Khẩn trương tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản quy định về cơ chế quay vòng vốn; định mức chi phí thực hiện công tác bảo trì công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

(3) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của Tổ rà soát vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh để tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo sát sao, hiệu quả vốn đầu tư công. Duy trì giao ban định kỳ, thường xuyên về giải ngân vốn đầu tư công để tháo gỡ những khó khăn vướng mắc như: Thủ tục đầu tư, công tác GPMB, công tác đấu giá QSDĐ để có nguồn thu giải ngân vốn đầu tư công. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đánh giá đầu tư, rà soát các chương trình, dự án để đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng ưu tiên, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

(4) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ động rà soát tiến độ giải ngân của từng dự án để kịp thời đề ra giải pháp, tham mưu UBND tỉnh điều chuyển vốn những dự án chậm giải ngân sang dự án có tiến độ giải ngân tốt hơn, đảm bảo tỷ lệ giải ngân cuối năm đạt trên 95% kế hoạch vốn được giao.

(5) Sở Xây dựng, Sở Tài chính cập nhật, điều chỉnh công bố giá vật liệu xây dựng, chỉ số giá xây dựng theo quy định đáp ứng yêu cầu quản lý chi phí đầu tư xây dựng, hợp đồng xây dựng; kiểm soát tình trạng biến động giá nguyên, nhiên liệu xây dựng và xử lý nghiêm các hành vi đầu cơ, nâng giá trực lợi.

(6) Đối với vốn phân cấp các huyện, thị xã, thành phố: Yêu cầu Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo quyết liệt, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh về công tác phân bổ và giải ngân vốn phân cấp được giao.

**4. Nghị quyết về quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C của tỉnh giai đoạn 2021-2025**

**4.1. Báo cáo thẩm tra của Ban KTNNS đề nghị UBND tỉnh báo cáo thêm về kết quả thực hiện các trình tự, thủ tục, quy định trong việc chấm dứt hợp đồng dự án xây dựng đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn ĐT.753 - ranh Bình Dương) theo hình thức BOT.**

*Trả lời:*

Do đến nay chưa giải quyết được thủ tục chấm dứt hợp đồng dự án đầu tư xây dựng đường Đồng Phú - Bình Dương, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước theo hình thức xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT) giai đoạn I, nên không đủ điều kiện để trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án xây dựng đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn ĐT.753 - ranh tỉnh Bình Dương), tỉnh Bình Phước. Do đó, UBND tỉnh đã có Văn bản xin rút, không trình tại kỳ họp HĐND tỉnh lần này.

**4.2. Về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C của tỉnh giai đoạn 2021-2025.**

Tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh thống nhất không trình HĐND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư 02 dự án: (1) Dự án xây dựng đường vào khu công nghiệp Long Tân; (2) Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học mầm non và tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

*(Kèm theo dự thảo lần 2 các Nghị quyết)*

**III. Đối với các Nghị quyết HĐND tỉnh đã ban hành**

Các Tổ Đại biểu đề nghị UBND tỉnh báo cáo nguyên nhân và đề xuất giải pháp thực hiện đối với Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh về thông qua chủ trương đầu tư xây dựng tòa nhà trung tâm hành chính tỉnh, đầu tư theo hình thức đối tác công tư, loại hợp đồng BLT.

*Trả lời:*

**1. Tình hình thực hiện dự án**

Dự án Xây dựng tòa nhà trung tâm hành chính tỉnh thực hiện theo phương thức đối tác công tư, loại hợp đồng BLT được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16/12/2019, UBND tỉnh phê duyệt dự án tại Quyết định số 2842/QĐ-UBND ngày 16/11/2020. Hợp đồng dự án số 01/2021/HĐBLT ngày 09/7/2021 được ký kết giữa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh (được UBND tỉnh ủy quyền) với Liên danh Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư Quảng Ninh - Công ty TNHH Hà Hùng (nhà đầu tư) và Công ty TNHH tập đoàn đầu tư Hoa Thiên Phúc (doanh nghiệp dự án).

Quá trình triển khai thực hiện dự án gặp một số khó khăn về giao đất, cho thuê đất và quy định chuyển tiếp của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Để đảm bảo tính pháp lý, UBND tỉnh có Công văn số 4171/UBND-KT ngày

15/12/2021 và Công văn số 1620/UBND-TH ngày 05/7/2022 xin ý kiến các Bộ, Ngành trung ương.

Sau khi tiếp nhận ý kiến của Bộ, Ngành trung ương, UBND tỉnh đã có các Công văn số 419/UBND-KT ngày 02/3/2022 và số 2174/UBND-TH ngày 15/8/2022 giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh và các đơn vị có liên quan rà soát, báo cáo tham mưu UBND tỉnh đảm bảo đúng quy định.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, rà soát toàn bộ quá trình thực hiện dự án và tham mưu UBND tỉnh hướng xử lý tại Báo cáo số 1139/BC-SKHĐT ngày 24/6/2022 và Báo cáo số 2214/BC-SKHĐT ngày 08/11/2022.

Ngày 24/02/2023, UBND tỉnh có Công văn số 588/UBND-TH chỉ đạo Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh tổ chức rà soát, đàm phán với nhà đầu tư tính toán lại phương án tài chính cho phù hợp, nhất là mức trích lập khâu hao tài sản cố định, thời gian hoàn vốn, thời gian tạo lợi nhuận cho nhà đầu tư và thời gian cho thuê công trình.

Ngày 17/4/2023, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh tổ chức họp thương thảo với nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án, trong đó các bên thống nhất tại Biên bản số 02/2023/BBTTHĐBLT, với nội dung: (1) Trường hợp Bên A không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng, nhà đầu tư đề nghị dừng hợp đồng để nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội đầu tư khác, phù hợp với định hướng kinh doanh của nhà đầu tư; (2) Trong trường hợp dừng hợp đồng thì bao lãnh thực hiện hợp đồng phải được hoàn trả nguyên trạng cho nhà đầu tư (hiện tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã có bao lãnh thực hiện hợp đồng số 0320BG2100662 với số tiền là 7 tỷ 960 triệu đồng); (3) Đổi với các chi phí chuẩn bị dự án do nhà đầu tư đề xuất, chi phí trong đấu thầu, chi phí thực hiện thiết kế bản vẽ thi công đến nay, để tạo điều kiện cho việc dừng dự án, nhà đầu tư có ý kiến không yêu cầu Bên A phải hoàn trả.

## 2. Đề xuất giải pháp thực hiện

Luật PPP hiện hành không quy định áp dụng hợp đồng BLT đối với dự án trung tâm hành chính tinh, trụ sở cơ quan nhà nước; không có các Nghị định, Thông tư hướng dẫn cụ thể tương ứng với giai đoạn hiện nay gây rất nhiều khó khăn trong việc áp dụng để triển khai thực hiện dự án. Việc giao đất để thực hiện dự án không được quy định rõ ràng, UBND tỉnh phải lấy ý kiến nhiều Bộ, Ngành có liên quan, tuy nhiên nội dung trả lời của các văn bản cũng chưa rõ, do vậy việc tiếp tục thực hiện dự án có nguy cơ tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Từ những khó khăn, vướng mắc nêu trên, Ban Cán sự đảng UBND tỉnh có Báo cáo số 391-BC/BCS ngày 14/6/2023 đề nghị Thường trực Tỉnh ủy chấp thuận chủ trương cho dừng thực hiện dự án (Nhà đầu tư cũng đã đồng ý và không đòi hỏi, khiếu nại tại Biên bản thương thảo số 02/2023/BBTTHĐBLT ngày 17/4/2023).

Ngày 26/6/2023, Thường trực Tỉnh ủy có Kết luận số 1012-KL/TU, trong đó giao Ban Cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng hoàn thiện hồ sơ để báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét chủ trương chấm dứt thực hiện dự án và nghiên cứu đề xuất phương án xây dựng khu hành chính tập trung để thay thế cho tòa nhà hành chính tập trung đảm bảo hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế và đúng quy định.

Triển khai thực hiện kết luận của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Cán sự đảng UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chức năng hoàn thiện hồ sơ để trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Trên đây là nội dung tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; ý kiến thẩm tra của Ban KTNS và trả lời ý kiến thảo luận của các Tổ Đại biểu HĐND tỉnh, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét và quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT. 240Binh



**Trần Tuệ Hiền**



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: /NQ-HĐND

Dự thảo lần 2  
Đã tiếp thu, chỉnh sửa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng 7 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**  
**Thông qua Kế hoạch bổ sung vốn đầu tư công trung hạn**  
**giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**  
**KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh về thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh về thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Xét Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2023, Công văn số--/UBND-TH ngày ..tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 39/BC-HĐND-KTNS ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua kế hoạch bổ sung vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 với tổng vốn là 221 tỷ 246 triệu đồng, trong đó bổ sung ngân sách trung ương là 163 tỷ 246 triệu đồng, ngân sách địa phương là 58 tỷ đồng, bao gồm:

### 1. Nguồn ngân sách trung ương

- Vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 162 tỷ 423 triệu đồng.
- Vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 823 triệu đồng.

### 2. Nguồn ngân sách địa phương

- Bố trí vốn thực hiện dự án đầu tư trang thiết bị cho bộ phận một cửa các cấp và lực lượng Công an để triển khai mô hình dịch vụ công theo Đề án 06/CP là 30 tỷ đồng.
- Bố trí vốn đối ứng để triển khai thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 là 28 tỷ đồng.

(Kèm theo Biểu 1, Biểu 2)

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ Mười một thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực, kể từ ngày thông qua./.

#### Noi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TTTU, TTHĐND, UBND, BTUBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các phòng chức năng;
- Lưu: VT.

#### CHỦ TỊCH

**Huỳnh Thị Hằng**

**Biểu số 1**

**DANH MỤC BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025  
NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch bổ sung vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó:			
			Ngân sách trung ương	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
	<b>TỔNG SỐ</b>	163.246	51.593	111.653		
I	<b>Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới</b>	<b>162.423</b>	<b>50.770</b>	<b>111.653</b>		
	Trong đó:					
	- Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở	111.653		111.653	Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp Văn phòng NTM tỉnh triển khai thực hiện Chương trình	
II	<b>Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đông bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>	<b>823</b>	<b>823</b>	<b>-</b>	Giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh phân bổ chi tiết vốn TW cho các đơn vị khi Bộ Thông tin và Truyền thông có hướng dẫn	

**Biểu số 2**

**DANH MỤC BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025  
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số  
/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

*ĐVT: Triệu đồng.*

STT	Danh mục dự án	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch bổ sung vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	
				Trong đó:	
				Tổng số	NS tỉnh
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>170.000</b>	<b>58.000</b>	<b>58.000</b>
1	Dầu tư trang thiết bị cho bộ phận một cửa các cấp và lực lượng Công an để triển khai mô hình dịch vụ công theo Đề án 06/CP		30.000	30.000	30.000
2	Vốn đối ứng nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở giai đoạn 2021 - 2025		140.000	28.000	28.000
	Sở Y tế				

Số: /NQ-HĐND

Dự thảo lần 2  
Đã tiếp thu, chỉnh sửa

Bình Phước, ngày tháng 7 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân số vốn còn lại  
năm 2022 sang năm 2023 nguồn ngân sách địa phương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 39/BC-HĐND-KTNS ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Ban kinh tế ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 đến ngày 31/12/2023 nguồn ngân sách địa phương với tổng số vốn là 481 tỷ 286 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Vốn xây dựng cơ bản tập trung:	55 tỷ 147 triệu đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn sử dụng đất:	365 tỷ 924 triệu đồng.
Trong đó:	
+ Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố:	292 tỷ 883 triệu đồng.
+ Vốn thực hiện dự án:	30 tỷ 231 triệu đồng.
+ Chương trình MTQG xây dựng NTM:	28 tỷ 894 triệu đồng.
+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:	43 triệu đồng.
+ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:	13 tỷ 873 triệu đồng
- Vốn đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết:	60 tỷ 215 triệu đồng.

(Kèm theo biểu chi tiết danh mục dự án)

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ Mười một thông qua ngày tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- TU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 SANG NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số  
NG/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch điều chỉnh cuối năm 2022						Số vốn còn lại năm 2022 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2023)	Kế hoạch vốn năm 2022, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2023	Lý do kéo dài	
		Tổng số	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết	Tổng số	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết		
	<b>Tổng số</b>	<b>4.063.582</b>	<b>395.985</b>	<b>3.232.125</b>	<b>435.472</b>	<b>2.884.177</b>	<b>1.179.405</b>	<b>481.286</b>	<b>55.147</b>	<b>365.924</b>	<b>60.215</b>
<b>A</b>	<b>Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố</b>	<b>2.892.806</b>	<b>300.510</b>	<b>2.502.296</b>	<b>1.901.221</b>	<b>991.585</b>	<b>327.276</b>	<b>34.393</b>	<b>292.883</b>	<b>-</b>	
1	Thành phố Đồng Xoài	156.800	29.400	127.400		129.188	27.612	525	27.087		
2	Thị xã Bình Long	758.919	25.095	733.824		321.341	43.578	-			
3	Thị xã Phước Long	338.135	22.575	315.560		137.147	200.988	5.882	195.106		
4	Huyện Đồng Phú	149.100	31.500	117.600		113.395	35.705	10.597	25.108		
5	Huyện Bü Đăng	117.740	31.500	86.240		114.380	3.360	134	3.226		
6	Huyện Bü Gia Mập	129.605.0	25.725	103.880		123.410	6.195	6.195	44	6.151	
7	Thị xã Chơn Thành	333.725	26.985	306.740		202.585	131.140	6.723	6.723		
8	Huyện Hòn Quản	185.570.0	25.830	159.740		175.625	9.945	9.945	3.715	6.230	
9	Huyện Lộc Ninh	234.920	34.020	200.900		140.492	94.428	16.920	1.470	15.450	
10	Huyện Bü Đập	372.295	23.415	348.880		357.563	14.732	14.732	1.695	13.037	
11	Huyện Phú Riềng	115.997	24.465	91.532		86.095	29.902	5.096	3.608	1.488	
<b>B</b>	<b>Vốn thực hiện dự án</b>	<b>665.131</b>	<b>52.497</b>	<b>296.562</b>	<b>316.072</b>	<b>556.496</b>	<b>108.635</b>	<b>74.825</b>	<b>19.364</b>	<b>30.231</b>	<b>25.230</b>
1	Sở Tài chính	16.640	-	16.640	-	10.657	5.983	-	-	-	
	Trà nợ vay ODA (Dự án Minh Lập - Lộc Hiệp)	16.640		16.640		10.657	5.983	-	-	-	
<b>II</b>	<b>Ban QLDA BTXD tỉnh</b>	<b>27.000</b>	<b>-</b>	<b>27.000</b>	<b>-</b>	<b>16.673</b>	<b>10.327</b>	<b>-</b>	<b>10.327</b>	<b>-</b>	
1	Nâng cấp DT 741 đoạn từ cầu Thác Mè đến QL14C	12.000		12.000		6.439	5.561	-	5.561		
2	Xây dựng mương, cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nỗi üz)	15.000		15.000		10.234	4.766	4.766	-	4.766	
<b>III</b>	<b>Thành phố Đồng Xoài</b>	<b>18.000</b>	<b>-</b>	<b>18.000</b>	<b>-</b>	<b>14.967</b>	<b>3.033</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Xây dựng đường Lý Thường Kiệt nối dài (đoạn từ đường Phú Riềng Đô đến đường Nguyễn Huệ, phường Tân Đồng)	8.000		8.000		7.927	73	-	-	-	
2	Đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	10.000		10.000		7.040	2.960	-	-	-	
<b>IV</b>	<b>Thị xã Phước Long</b>	<b>71.500</b>	<b>-</b>	<b>71.500</b>	<b>-</b>	<b>64.960</b>	<b>6.540</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối từ trung tâm Long Giang đến Long Phước	10.500		10.500		4.677	5.823	-	-	-	
2	Xây dựng đường và cầu cao lồng hồ Long Thủy, thị xã Phước Long	24.000		24.000		23.600	400	-	-	-	
3	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bü Gia Mập)	15.000		15.000		14.969	31	-	-	-	
4	Bà Định và nhà tù Bü Rá	10.000		10.000		9.805	195	-	-	-	
5	Xây dựng lăng nhra đường từ DT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường DT 759 (khu vực Long Điện, Long Phước)	12.000		12.000		11.909	91	-	-	-	
<b>V</b>	<b>Thị xã Bü Bình</b>	<b>93.700</b>	<b>-</b>	<b>65.700</b>	<b>28.000</b>	<b>92.052</b>	<b>1.648</b>	<b>631</b>	<b>-</b>	<b>631</b>	
1	Xây dựng đường DT 752 nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	35.700		35.700		35.097	603	-	-	-	
2	Xây dựng trường THPT Bü Bình Long	28.000		28.000		27.369	631	-	631		

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch điều chỉnh cuối năm 2022				Số vốn còn lại năm 2022 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2023)	Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2023	Lý do kéo dài
		Tổng số Chi XD&CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết	Tổng số Chi XD&CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết	
3	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hòn Quản	30.000	30.000		29.586	414	-	-
VII	Huyện Hòn Quản	10.000	-	-	10.000	9.984	16	-
1	Xây dựng trường mầm non Đồng Nơ (phục vụ KCN Minh Hung - Sikiyo)	10.000		10.000	9.984	16	-	16
VIII	Huyện Bù Đăng	9.000	-	2.000	7.000	7.260	1.740	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau.
1	Xây dựng Trường mẫu giáo Sơn Ca xã Thông Nhất, huyện Bù Đăng	7.000		7.000	6.495	505	-	16
2	Xây dựng đường liên xã Đồng Nai đi xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	2.000	2.000		765	1.235	-	505
VIII	Huyện Bù Đốp	32.000	-	17.000	15.000	31.531	469	Do biến động tăng giá vật tư, nguyên nhiên, vật liệu trên thị trường làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công và giải ngân vốn.
1	Xây dựng Khối hiệu bộ, khối bộ môn, nhà dinh dưỡng Trường THPT Tân Tiến	15.000		15.000	14.718	282	-	505
2	Xây dựng kè thông kênh dẫn 6 km sít dung nước sau thủy điện Cần Đom cho cảnh đồng Sóc Né, xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp	17.000		17.000	16.813	187	-	1.235
IX	Huyện Phú Riềng	52.000	-	52.000	22.964	29.036	18.000	Do biến động tăng giá vật tư, nguyên nhiên, vật liệu trên thị trường làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công và giải ngân vốn.
1	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	1.000		1.000	743	257	-	-
2	Xây dựng đường kết nối từ Bù Nhô đi Phước Tân qua TT HC Quản	25.000		25.000	14.271	10.729	-	-
3	Xây dựng cầu Long Tân-Hung kết nối 2 huyện Phù Riềng và Hến Quản	18.000		18.000	-	18.000	18.000	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau.
4	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối DH 312 với đường DT 759	8.000	8.000		7.950	50	-	-
X	Công an tỉnh	14.800	-	14.800	-	13.020	880	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau.
1	Xây dựng phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh	8.000		8.000	7.499	501	-	-
2	Đội cảnh sát PCCC&CNCH khu vực huyện Bù Đăng	6.800		6.800	6.421	379	-	-
XI	Vốn lập quy hoạch tinh theo quy định của Luật Quy hoạch	28.497	28.497		5.374	23.123	18.123	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau.
XII	Chi cục Kiểm lâm	5.000	-	5.000	-	4.865	135	-
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững	5.000		5.000	4.865	135	-	-
XIII	Ban Quản lý Khu kinh tế	13.994	-	1.422	12.572	13.944	50	50
1	Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng Khu đô thị mới Tiên Hưng diện tích 92,958 ha	13.994		1.422	12.572	13.944	50	50
XIV	Hỗ trợ các huyện xây dựng 390 phòng học	273.000	24.000	5.500	243.500	247.344	25.656	1.241
								669
								23.746
								chi ngân sách nhà nước (kế hoạch điều chỉnh, bổ sung giữa năm 2022)

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch điều chỉnh cuối năm 2022				Số vốn còn lại năm 2022 chưa giải ngân (đến ngày 31/01/2023)				Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2023				Lý do kéo dài
		Tổng số	Chi XD&CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết	Tổng số	Chi XD&CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết					
1	Thị xã Bình Long (30 phòng)	21.000		21.000	21.000	19.736	1.264	-	-	1.264				
2	(Thị xã Phước Long (30 phòng))	21.000		21.000	19.818	1.182	-	-	-	-	1.182			
3	Huyện Phú Riềng (70 phòng)	49.000	7.000	42.000	29.986	19.014	1.040	-	-	-	17.974			
4	Huyện Đồng Phú (30 phòng)	21.000		21.000	20.124	876	-	-	-	-	876			
5	Huyện Hòn Quản (40 phòng)	28.000		28.000	27.709	291	-	-	-	-	291			
6	Huyện Bü Gia Mập (30 phòng)	21.000		21.000	20.877	123	-	-	-	-	123			
7	Huyện Lộc Ninh (50 phòng)	35.000	7.000	28.000	34.096	904	-	-	-	-	904			
8	Huyện Bü Đôp (10 phòng)	7.000		7.000	6.166	834	-	-	-	-	834			
9	Huyện Bü Đăng (100 phòng)	70.000	10.000	55.500	54.500	68.832	1.168	201	669	669	298			
C	Chương trình MTQG xây dựng NTM	445.500	-	326.100	119.400	381.621	63.879	-	-	28.394	34.985	Vốn ngân sách tỉnh đổi sang Chương trình MTQG nguồn NSTW đã được Quốc hội cho phép kéo dài thời gian thực và giải ngân đến ngày 31/12/2023 tại Nghị quyết số 69/2022/QH15.		
1	Trà no xi măng năm 2021	93.750		93.750		93.578	172	172	-	-	172			
2	Mua sắm tập trung xi măng 2022	49.644	48.850	794	46.622	3.022	3.022	-	-	-	2.405	617		
3	Thị xã Phước Long	4.500		4.500		1.959	2.541	2.541	-	-	2.541			
4	Huyện Đồng Phú	18.958		9.000	9.958	14.675	4.283	4.283	-	-	2.572	1.711		
5	Huyện Bü Đăng	68.259		39.000	29.259	50.249	18.010	18.010	-	-	6.611	11.399		
6	Huyện Bü Gia Mập	22.710		9.000	13.710	19.065	3.645	3.645	-	-	1.070	2.575		
7	Huyện Hòn Quản	48.340		24.000	24.340	47.551	789	789	-	-	764	25		
8	Huyện Lộc Ninh	85.050		59.000	26.050	59.798	25.252	25.252	-	-	6.890	18.362		
9	Huyện Bü Đôp	17.478		15.000	2.478	17.082	396	396	-	-	396	-		
10	Huyện Phú Riềng	36.811		24.000	12.811	31.042	5.769	5.769	-	-	5.473	296		
D	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	44.145	42.978	1.167	-	42.712	1.433	1.433	1.390	43	-	-	-	
1	Huyện Bü Gia Mập	21.096	21.096			20.061	1.035	1.035	1.035	-	-	-	-	
2	Huyện Hòn Quản	7.981	7.981			7.900	81	81	81	-	-	-	-	
3	Huyện Lộc Ninh	8.827	7.660	1.167		8.655	172	172	129	43	-	-	-	
4	Huyện Bü Đôp	4.565	4.565			4.513	52	52	52	-	-	-	-	
5	Huyện Phú Riềng	1.676	1.676			1.583	93	93	93	-	-	-	-	
E	Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	16.000	-	16.000	-	2.127	13.873	13.873	-	13.873	-	-	-	
1	Thị xã Bình Long	140		140		-	140	140	-	-	140			
2	Huyện Bü Đăng	1.655		1.655		-	1.655	1.655	-	-	1.655			
3	Huyện Bü Gia Mập	5.919	5.919			100	5.819	5.819	-	-	5.819			
4	Thị xã Chơn Thành	5		5		-	5	5	-	-	5			
5	Huyện Hòn Quản	614		614		68	546	546	-	-	546			
6	Huyện Lộc Ninh	6.836		6.836		1.861	4.975	4.975	-	-	4.975			
7	Huyện Bü Đôp	572		572		98	474	474	-	-	474			
8	Huyện Phú Riềng	83		83		-	83	83	-	-	83			
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	78		78		-	78	78	-	-	78			
10	Ban Dân tộc	85		85		-	85	85	-	-	85			
11	Tỉnh đoàn	6		6		-	6	6	-	-	6			
12	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	7		7		-	7	7	-	-	7			

Ghi chú: (1) Vốn XD&CB tập trung năm 2022 còn lại chưa giải ngân là 19 tỷ đồng vốn lập quy hoạch tỉnh do không có nhu cầu.  
(2) tiền SDD khởi tính năm 2022 còn lại chưa giải ngân là 59 tỷ 041 triệu đồng; cho phép kéo dài sang năm 2023 là 28 tỷ 810 triệu đồng do không có nhu cầu).

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: /NQ-HĐND

Dự thảo

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày tháng 7 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Quyết định chủ trương đầu tư dự án**

**Đầu tư trang thiết bị cho bộ phận một cửa các cấp và lực lượng Công an  
để triển khai mô hình dịch vụ công theo Đề án 06/CP**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 39/BC-HĐND-KTNS ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quyết định chủ trương đầu tư dự án Đầu tư trang thiết bị cho bộ phận một cửa các cấp và lực lượng Công an để triển khai mô hình dịch vụ công theo Đề án 06/CP, với các nội dung như sau:

- Chủ đầu tư: Công an tỉnh.
- Mục tiêu đầu tư:

Đầu tư trang thiết bị cho bộ phận một cửa các cấp và lực lượng Công an để triển khai mô hình dịch vụ công theo Đề án 06/CP nhằm đáp ứng yêu cầu đồng bộ, hiện đại để phục vụ kết nối, khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác điều hành, quản lý trong lĩnh vực chuyển đổi số của lực lượng công an nhân dân.

**3. Quy mô đầu tư:**

Đầu tư mua sắm trang thiết bị, cụ thể như sau:

- Thiết bị đọc mã QR-code trên thẻ CCCD có gắn chíp:	259 bộ
- Máy in đa năng có chức năng scan A4:	274 bộ
- Máy tính bàn cấu hình i5 thế hệ 10 trở lên:	274 bộ
- Máy quét văn bản A3, 2 mặt:	24 bộ
- Màn hình tivi led hiển thị thông tin (75in trở lên):	246 bộ
- Vật liệu thi công mạng/hệ thống:	246 bộ
- Switch/Hub:	246 bộ
- Máy photocopy (in khổ A4, A3 và in màu):	11 bộ
- Thiết bị đọc và xác minh thẻ CCCD gắn chíp:	124 bộ
- Máy Kiosk đánh giá sự hài lòng:	13 bộ
- Bàn, ghế:	274 bộ
- Tủ đựng hồ sơ:	135 bộ
- Phần mềm diệt vi-rút:	246 bộ
- Máy tính xách tay:	13 bộ
- Máy thu nhận vân tay:	12 bộ

4. Nhóm dự án: Nhóm C.

5. Tổng mức đầu tư dự án: 30 tỷ đồng.

6. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

7. Địa điểm thực hiện dự án: Công an tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; Thành phố Đồng Xoài; thị xã: Bình Long, Phước Long, Chơn Thành; các huyện: Đồng Phú, Bù Đốp, Bù Đăng, Bù Gia Mập, Hớn Quản, Lộc Ninh, Phú Riềng.

8. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023 - 2024.

9. Tiến độ thực hiện dự án:

- Năm 2023: Chuẩn bị đầu tư, lập và phê duyệt báo cáo chủ trương đầu tư; lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế, lập và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Năm 2024: Thực hiện dự án và hoàn thành dự án đưa vào sử dụng.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm:

a) Chỉ đạo chủ đầu tư hoàn thành báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.

b) Bổ sung danh mục dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp giữa năm 2023.

c) Tổ chức triển khai, thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả kinh tế - xã hội.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ Mười một thông qua ngày ... tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

*Noi nhận:*

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- TTTU, TTHĐND, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các phòng chức năng;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Thị Hằng**

Số: /NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng 7 năm 2023

Dự thảo

### NGHỊ QUYẾT

#### Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng đường vành đai từ đường Lê Duẩn (ĐT.759) đi Thiện Hưng

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 39/BC-HĐND-KTNS ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng đường vành đai từ đường Lê Duẩn (ĐT.759) đi Thiện Hưng, với các nội dung như sau:

1. Điều chỉnh nguồn vốn đầu tư

Thông qua tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020	Điều chỉnh
Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách huyện

2. Lý do điều chỉnh

Tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, theo đó không bố trí vốn ngân sách tỉnh để thực hiện dự án Xây dựng

đường vành đai từ đường Lê Duẩn (ĐT.759) đi Thiện Hưng và giao huyện Bù Đốp có trách nhiệm cân đối nguồn vốn thực hiện. Do đó, điều chỉnh nguồn vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh thành ngân sách huyện theo đúng quy định của pháp luật đầu tư công, làm cơ sở để địa phương bố trí nguồn vốn cho dự án, đồng thời đảm bảo việc triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

3. Các nội dung không điều chỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm: Chỉ đạo chủ đầu tư tổ chức triển khai, thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả kinh tế - xã hội.

2. Giao Ủy ban nhân dân huyện Bù Đốp chịu trách nhiệm:

- Bổ sung danh mục dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách huyện giai đoạn 2021-2025 trình Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất.

- Trường hợp điều chỉnh hoặc lập lại chủ trương đầu tư trình Hội đồng nhân dân huyện thông qua, phải kể thừa báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt để tránh lãng phí đầu tư.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ Mười một thông qua ngày ... tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- TTTU, TTHĐND, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các phòng chức năng;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Thị Hằng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: /NQ-HĐND

Dự thảo

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày tháng 7 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án  
Nâng cấp, mở rộng ĐT753 giai đoạn I (đoạn từ ngã tư Sóc Miên,  
thành phố Đồng Xoài đến đường Đồng Phú - Bình Dương)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 39/BC-HĐND-KTNS ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng ĐT753 giai đoạn I (đoạn từ ngã tư Sóc Miên, thành phố Đồng Xoài đến đường Đồng Phú - Bình Dương), với các nội dung như sau:

1. Điều chỉnh tên dự án

<b>Thông qua tại Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh</b>	<b>Điều chỉnh</b>
Nâng cấp, mở rộng ĐT753 giai đoạn I (đoạn từ ngã tư Sóc Miên, thành phố Đồng Xoài đến đường Đồng Phú - Bình Dương)	Nâng cấp, mở rộng ĐT753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu

2. Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh tên dự án cho phù hợp với tên dự án đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 để đảm bảo điều kiện ghi vốn hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương.

3. Các nội dung không điều chỉnh: Thực hiện theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020, 18/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021, 32/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm:

a) Chỉ đạo chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.

b) Tổ chức triển khai, thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả kinh tế - xã hội.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ mươi một thông qua ngày ... tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

### **Người nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- TTTU, TTHĐND, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các phòng chức năng;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Thị Hằng**

Số: /NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng 7 năm 2023

Dự thảo

**NGHỊ QUYẾT**  
**Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án**  
**Xây dựng đường ĐT.759B đi đồn biên phòng 793**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**  
**KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 39/BC-HĐND-KTNS ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng đường ĐT.759B đi đồn biên phòng 793, với các nội dung như sau:

1. Điều chỉnh nguồn vốn đầu tư

Thông qua tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020	Điều chỉnh
Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách huyện

2. Lý do điều chỉnh

Tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, theo đó không bố trí vốn ngân sách tỉnh để thực hiện dự án Xây dựng

đường ĐT.759B đi đòn biên phòng 793 và giao huyện Bù Đốp có trách nhiệm cân đối nguồn vốn thực hiện. Do đó, điều chỉnh nguồn vốn đầu tư từ ngân sách tinh thành ngân sách huyện, theo đúng quy định của pháp luật đầu tư công, làm cơ sở để địa phương bố trí nguồn vốn cho dự án, đồng thời đảm bảo việc triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

3. Các nội dung không điều chỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm: Chỉ đạo chủ đầu tư tổ chức triển khai, thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả kinh tế - xã hội.

2. Giao Ủy ban nhân dân huyện Bù Đốp chịu trách nhiệm:

- Bổ sung danh mục dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách huyện giai đoạn 2021 - 2025 trình Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất.

- Trường hợp điều chỉnh hoặc lập lại chủ trương đầu tư trình Hội đồng nhân dân huyện thông qua, phải kế thừa báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt để tránh lãng phí đầu tư.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ mươi một thông qua ngày ... tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- TTTU, TTHĐND, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các phòng chức năng;
- Lưu: VT.

### **CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Thị Hằng**



Dự thảo

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023;

Xét Tờ trình số 63/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 39/BC-HĐND-KTNS ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023 với các nội dung như sau:

Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2023 là 5.066 tỷ 774 triệu đồng (*kèm theo biểu tổng hợp*), giảm 952 tỷ 857 triệu đồng so với kế hoạch năm 2023 được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022, cụ thể:

**1. Vốn ngân sách trung ương:**

Không tăng giảm nguồn vốn, chỉ điều chuyển nội bộ các dự án, cụ thể:

- Điều chỉnh giảm 100 tỷ đồng của dự án xây dựng đường giao thông phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư do vướng GPMB, không có khả năng giải ngân hết vốn năm 2023 (Đầu năm bố trí 250 tỷ đồng, kế hoạch điều chỉnh 150 tỷ đồng).

- Bổ sung vốn 24 tỷ đồng cho dự án Xây dựng đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài (Đầu năm không bố trí vốn do vướng thủ tục đầu tư, nay đã hoàn thiện thủ tục, cần bố trí vốn để hoàn thành dự án và đưa vào sử dụng trong năm 2023).

- Bổ sung vốn 40 tỷ đồng cho dự án Nâng cấp, mở rộng đường từ khu công nghiệp Việt Kiều kết nối với khu công nghiệp Minh Hưng Sikico huyện Hớn Quản (dự án không vướng GPMB và giải ngân tốt).

- Bổ sung vốn 36 tỷ đồng cho dự án Xây dựng tuyến đường từ khu quy hoạch trung tâm hành chính xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú kết nối với khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú (dự án không vướng GPMB và giải ngân tốt).

## **2. Vốn ngân sách địa phương:**

Điều chỉnh giảm nguồn ngân sách địa phương 952 tỷ 857 triệu đồng, trong đó giảm tiền sử dụng đất khối tỉnh 1.052 tỷ 857 triệu đồng do hụt thu và tăng tiền xổ số kiến thiết 100 tỷ đồng. Các dự án giảm vốn chủ yếu do vướng GPMB, chưa đấu thầu, không có khả năng giải ngân hết số vốn được giao.

### **3. Phương án phân bổ:**

#### **3.1. Vốn ngân sách địa phương:**

Bao gồm:

a) Vốn xây dựng cơ bản tập trung: 502 tỷ 210 triệu đồng.

Trong đó:

- Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố: 276 tỷ đồng.

- Vốn thực hiện dự án: 226 tỷ 210 triệu đồng.

+ Dự án chuyển tiếp: 199 tỷ 630 triệu đồng.

+ Dự án khởi công mới: 26 tỷ 580 triệu đồng.

b) Vốn đầu tư từ nguồn sử dụng đất: 2.462 tỷ 043 triệu đồng.

Trong đó:

- Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố: 1.533 tỷ 700 triệu đồng.

- Vốn thực hiện dự án: 928 tỷ 343 triệu đồng.

+ Dự án chuyển tiếp: 907 tỷ 693 triệu đồng.

+ Dự án khởi công mới: 20 tỷ 650 triệu đồng.

c) Vốn đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết: 1.080 tỷ đồng.

Trong đó:

- Trả nợ vay ODA: 16 tỷ 360 triệu đồng.

- Vốn thực hiện dự án: 792 tỷ 872 triệu đồng.

+ Dự án chuyển tiếp: 737 tỷ 872 triệu đồng.

+ Dự án khởi công mới: 55 tỷ đồng.

- Chương trình MTQG nông thôn mới: 200 tỷ đồng.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 17 tỷ đồng.

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội

vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 20 tỷ đồng

- Vốn chuẩn bị đầu tư: 4 tỷ 900 triệu đồng

- Vốn tất toán các công trình quyết toán: 28 tỷ 868 triệu đồng.

Riêng nguồn thu xổ số kiến thiết bố trí cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và y tế là 540 tỷ 250 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 50,02%; bố trí vốn cho xây dựng nông thôn mới là 200 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 18,52% đảm bảo không thấp hơn quy định của trung ương.

d) Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 24 tỷ 400 triệu đồng.

(Kèm theo Biểu số 1, phụ lục 1.1; 1.2; 1.3; 1.4)

**3.2. Vốn ngân sách trung ương** (vốn trong nước): **998 tỷ 121 triệu đồng.**

a) Chương trình mục tiêu quốc gia: 354 tỷ 121 triệu đồng.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 149 tỷ 080 triệu đồng.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 3 tỷ 079 triệu đồng.

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 201 tỷ 962 triệu đồng.

b) Các chương trình mục tiêu: 470 tỷ đồng.

Trong đó:

- Dự án chuyển tiếp: 470 tỷ đồng.

c) Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: 174 tỷ đồng.

- Dự án khởi công mới: 174 tỷ đồng.

(Chi tiết tại biểu số 2, phụ lục 2.1)

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ Mười một thông qua ngày -- tháng -- năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TTTU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng chức năng;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Thị Hằng**

**BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số

/NQ-HĐND ngày

tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2023				Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2023				Giảm	Tăng	Ghi chú			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài						
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài								
<b>1</b>	<b>Vốn ngân sách địa phương</b>	<b>TỔNG SÓ</b>	<b>6.019.631</b>	<b>6.019.631</b>	<b>-</b>	<b>5.066.774</b>	<b>5.066.774</b>	<b>-</b>	<b>4.068.653</b>	<b>4.068.653</b>	<b>-</b>	<b>747.143</b>	<b>1.700.000</b>		
	Trong đó:														
<b>1</b>	<b>Chi xây dựng cơ bản vốn lập trung ương</b>	<b>5.021.510</b>	<b>5.021.510</b>	<b>-</b>	<b>4.068.653</b>	<b>4.068.653</b>	<b>-</b>	<b>2.462.043</b>	<b>2.462.043</b>	<b>-</b>	<b>647.143</b>	<b>1.700.000</b>			
<b>2</b>	<b>Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất</b>	<b>502.210</b>	<b>502.210</b>	<b>-</b>	<b>502.210</b>	<b>502.210</b>	<b>-</b>	<b>2.462.043</b>	<b>2.462.043</b>	<b>-</b>	<b>647.143</b>	<b>1.700.000</b>			
2.1	Khối tỉnh	1.981.200	1.981.200	-	928.343	928.343	-	928.343	928.343	-	647.143	1.700.000			
2.2	Khối huyện	1.533.700	1.533.700	-	1.533.700	1.533.700	-	1.533.700	1.533.700	-					
<b>3</b>	<b>Đầu tư từ nguồn thu xó sổ kiến thiết</b>	<b>980.000</b>	<b>980.000</b>	<b>-</b>	<b>1.080.000</b>	<b>1.080.000</b>	<b>-</b>	<b>1.080.000</b>	<b>1.080.000</b>	<b>-</b>	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>			
<b>4</b>	<b>Đầu tư từ nguồn hối chi ngân sách địa phương</b>	<b>24.400</b>	<b>24.400</b>	<b>-</b>	<b>24.400</b>	<b>24.400</b>	<b>-</b>	<b>24.400</b>	<b>24.400</b>	<b>-</b>	<b>24.400</b>	<b>24.400</b>			
<b>II</b>	<b>Vốn ngân sách trung ương</b>														
<b>1</b>	<b>Vốn trong nước</b>														
	Trong đó:														
1.1.	Các Chương trình mục tiêu	470.000	470.000	-	470.000	470.000	-	470.000	470.000	-	470.000	470.000			
1.2.	Các Chương trình mục tiêu quốc gia	354.121	354.121	-	354.121	354.121	-	354.121	354.121	-	354.121	354.121			
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	201.962	201.962	-	201.962	201.962	-	201.962	201.962	-	201.962	201.962			
	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	3.079	3.079	-	3.079	3.079	-	3.079	3.079	-	3.079	3.079			
	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	149.080	149.080	-	149.080	149.080	-	149.080	149.080	-	149.080	149.080			
1.3.	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	174.000	174.000	-	174.000	174.000	-	174.000	174.000	-	174.000	174.000			

**Ghi chú:** Kế hoạch điều chỉnh tiền SDD khôi tinh năm 2023 là 2.090 tỷ đồng (giảm 1.700 tỷ đồng so với kế hoạch đầu năm); đê lai 1.161 tỷ 657 triệu đồng, bao gồm: 150 tỷ đồng chi do đạc hồ sơ địa chính, dữ liệu đất đai; trích 2% dự phòng là 41 tỷ 800 triệu đồng; hoàn trả nguồn hỗ trợ từ thành phố Hồ Chí Minh là 50 tỷ đồng; hoàn trả hụt thu tiền sử dụng đất khôi tinh năm 2022 là 919 tỷ 857 triệu đồng (số hụt tiền SDD khôi tinh năm 2022 là 1.533 tỷ 143 triệu đồng, trong đó bù đắp các nguồn khác là 613 tỷ 698 triệu đồng, bao gồm: (1) Tăng 603 tỷ đồng tại Bao cáo số 4/7/BC-UBND ngày 17/2/2023, trong đó hoàn trả nguồn thu SDD, XSKT giải đoạn 2019-2020 theo Nghị quyết số 53/2022/QH15 ngày 15/6/2022 của Quốc hội là 149 tỷ 698 triệu đồng; tăng thu điều tiết 40% tiền chuyen mục đích SĐĐ trên địa bàn cấp huyện là 340 tỷ 406 triệu đồng; tăng thu tiền XSKT 112 tỷ 896 triệu đồng; (2) Tăng 10 tỷ 143 triệu đồng; tăng thu điều tiết 30% của tổng số vốn 33 tỷ 810 triệu đồng) do cắt giảm không cho phép kéo dài giải ngân năm 2022 sang năm 2023. Như vậy, tiền SDD khôi tinh còn lại bố trí kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023 là 928 tỷ 343 triệu đồng.

INGENIERÍA

NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

KẾ HOẠCH DỰC CHI

/NQ-HĐND ngày

năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023										
			Trong đó:					Trong đó:					
			Tổng số	Tổng số	Chi XD&CB	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết	Tổng số	Chi XD&CB	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết	Dầu từ từ nguồn bởi chi ngân sách địa phương	
	Số quyết định: ngày, tháng, năm	TMDT	14.146.224	5.021.510	502.210	3.514.900	980.000	24.400	1.278.811	4.068.653	502.210	2.462.043	
A	Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố		1.809.700	276.000	1.533.700	-	-	386.283	1.809.700	276.000	1.533.700	-	
1	Thành phố Đồng Xoài		304.320	26.000	278.320			43.297	304.320	26.000	278.320		
2	Thị xã Bình Long		162.160	23.000	139.160			8.750	162.160	23.000	139.160		
3	Thị xã Phước Long		33.760	22.000	11.760			11.805	33.760	22.000	11.760		
4	Huyện Đồng Phú		162.220	26.000	136.220			41.226	162.220	26.000	136.220		
	Trong đó:												
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				40.866					40.866		40.866	
5	Huyện Bù Đăng		138.760	29.000	109.760			34.592	138.760	29.000	109.760		
	Trong đó:												
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				32.928					32.928		32.928	
6	Huyện Bü Gia Mập		115.160	25.000	90.160			64.027	115.160	25.000	90.160		
	Trong đó:												
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				27.048					27.048		27.048	
7	Thị xã Chơn Thành		397.400	25.000	372.400			63.458	397.400	25.000	372.400		
8	Huyện Hớn Quản		164.160	25.000	139.160			26.849	164.160	25.000	139.160		
	Trong đó:												
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				41.748					41.748		41.748	
9	Huyện Lộc Ninh		94.640	28.000	66.640			26.887	94.640	28.000	66.640		
	Trong đó:												
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				19.992					19.992		19.992	
10	Huyện Bù Đốp		83.760	23.000	60.760			40.393	83.760	23.000	60.760		
	Trong đó:												
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				18.228					18.228		18.228	
11	Huyện Phú Riềng		153.360	24.000	129.360			24.999	153.360	24.000	129.360		
	Trong đó:												
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				38.808					38.808		38.808	
B	Trà uỷ vay ODA (Đô án Minh Lập - Lộc Hiệp)		495.557	16.360		16.360		4.798	16.360		16.360	Sở Tài chính	
C	Vốn thực hiện dự án		13.650.667	2.933.050	171.610	1.981.200	755.840	24.400	944.655	1.971.825	226.210	928.343	792.872
C1	Dự án chuyển tiếp		12.136.667	2.355.120	141.030	1.563.690	626.000	24.400	924.499	1.859.595	199.630	907.693	727.872
1	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		10.185.167	1.565.880	80.530	1.460.950	-	24.400	614.715	1.009.405	142.130	809.253	33.622

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư						Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023		
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT	Tổng số Chi XD&BT tập trung	Tiền sử dụng đầu tư	Xô sô kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bối chí ngắn sách địa phương	Tổng số Chi XD&BT tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sô kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bối chí ngắn sách địa phương	Trong đó:	Trong đó:	Chủ đầu tư		
1	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chợ Thành - Hoa Lư	2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 387/QĐ-UBND ngày 8/2/2021; 1631/QĐ-UBND ngày 7/9/2022	1.450.000	190.460	10.530	179.930			10.750	50.685	50.685			Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
2	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tân đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư	987/QĐ-UBND ngày 7/5/2020	450.000	20.000					133	20.000	20.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
3	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; 3204/QĐ-UBND ngày 7/12/2017	495.558	24.400					24.400	484	24.400				24.400	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
4	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	2818/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	282.609	35.000					21.182	35.000	35.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
5	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đông Phú	2293/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	180.000	35.000					5.641	15.000	15.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
6	Nâng cấp, tham nhra các tuyến đường con lai khu dân cư phía Bắc Tịnh Lỵ	1622/QĐ-UBND ngày 16/7/2020	200.000	75.700					16.624	45.000	45.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
7	Xây dựng tuyến kết nối ĐT 753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	1969/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	180.000	44.000					25.244	34.000	34.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
8	Xây dựng đường Đồng Hurn - Bàu Nâm, huyện 755 nố ĐT 753	1969/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	100.000	25.000					24.733	45.000	45.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
9	Xây dựng đường Đồng Hurn - Bàu Nâm, huyện Chợ Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành-Bàu Nâm)	2023/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	70.000	10.000					5.866	10.000	10.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
10	Xây dựng đường trục chính từ ĐT 741 vào khu công nghiệp và khu dân cư Đồng Phú	213/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	340.000	20.000					20.000	20.000	20.000				UBND huyện Đông Phú	
11	Xây dựng đường giao thông từ ĐT 741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mờ rộng	215/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	130.000	20.000					20.000	20.000	20.000				UBND huyện Đông Phú	
12	Xây dựng đường công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamelex, Bình Phước	2129/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	372.000	20.000					19.695	20.000	20.000				UBND huyện Đông Phú	
13	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xã Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	270.000	20.000					19.867	20.000	20.000				UBND huyện Hớn Quản	
14	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan	3316/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	60.000	10.000					10.000			1.000			UBND huyện Hớn Quản	
15	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đì Phước An và Tân Quan huyện Hớn Quản	550/QĐ-UBND ngày 05/3/2021	180.000	10.000					10.000			1.000			UBND huyện Hớn Quản	
16	Nâng cấp đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Duẩn đến đường Trần Phú)	1988/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	250.000	50.000					3.188	4.000	4.000				UBND TP Đồng Xoài	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phiếu duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023				Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023				Chủ đầu tư	
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng số	Chi XD&CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sô kiến thiết	Dầu từ từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Tổng số	Chi XD&CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sô kiến thiết	
				Giai ngắn 5 tháng đầu năm 2023				-					UBND thị xã Chơn Thành
17	Hỗ trợ Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư tại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	2141/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	130.000	25.000	25.000				11.244	12.000	12.000		UBND huyện Bù Đăng
18	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL.14 đi xã Đák Nhau	2175/QĐ-UBND ngày 01/9/2020	80.000	12.000	12.000								UBND huyện Bù Đăng
19	Xây dựng đường liên xã Đồng Nai đi xã Tho Son, huyện Bù Đăng	1920/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	40.000	5.000	5.000								UBND huyện Bù Đăng
20	Xây dựng Đường từ QL14 xã Đức Liễu đi ĐT755 xã Thông Nhất	2142/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	60.000	21.000	21.000				10.000	15.000	15.000		UBND huyện Bù Đăng
21	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lạch)	595/QĐ-UBND ngày 12/3/2021	60.000	21.000	21.000				7.000	15.000	15.000		UBND huyện Bù Đăng
22	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện Bù Gia Mập	2125/QĐ-UBND ngày 27/08/2020	90.000	15.000	15.000				11.735	15.000	15.000		UBND huyện Bù Gia Mập
23	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	2022/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	85.000	5.000	5.000								UBND huyện Phú Riềng
24	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	3075/QĐ-UBND ngày 03/12/2021; 1456/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	1.450.000	210.000	210.000								Ban QLDA ĐTXD tỉnh
25	Xây dựng đường phia Tây QL13 kết nối Bầu Bàng	1328/QĐ-UBND ngày 24/5/2021	440.000	20.000	20.000								Ban QLDA ĐTXD tỉnh
26	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1,2 kết nối QL14	3076/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	450.000	30.000	30.000				25.813	26.000	26.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
27	Nâng cấp, mở rộng đường DT 741 kết nối thi xã Phước long với huyện Bù Gia Mập (doan từ dốc Cui Chò qua TT Huyện Bù Gia Mập tới giáp QL 14C)	3077/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	80.000	32.000	32.000				15.175	32.000	32.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
28	Xây dựng đường từ Trung tâm hành chính huyện Chơn Thành đi xã Quang Minh kết nối KCN Becamex	3240/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	100.000	35.000	35.000				5.767	55.000	16.445	27.933	UBND thị xã Chơn Thành
29	Xây dựng Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (từ QL14 nối với quy hoạch dự án Becamex - Bình Phước)	1274/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	60.000	25.000	25.000								UBND thị xã Chơn Thành
30	Xây dựng đường liên xã Nha Bích - Minh Thắng	2683/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	80.000	31.820	31.820				16.454	31.820	31.820		UBND thị xã Chơn Thành
31	Nâng cấp, mở rộng đường DH từ xã Đa Kia qua xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	584/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	60.000	10.000	10.000				8.414	10.000	10.000		UBND huyện Bù Gia Mập
32	Nâng cấp, mở rộng đường DT 760 từ ngã tư Quốc lộ 741 đến cầu Đák O (Tuyên 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ DT 741 đến ngã tư Quốc lộ 741, Tỉnh Phú Yên (Tuyễn 2)	2140/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	150.000	40.000	40.000				40.000	40.000	40.000		UBND huyện Bù Gia Mập

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án phê duyệt chủ trương đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023			Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023		
		Số quyết định ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng số Chi XDGB tập trung	Tiền sử dụng đầu	Xô số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bối chi ngắn sách địa phương	Tổng số Chi XDGB tập trung	Tiền sử dụng đât	Xô số kiến thiết
										Chủ đầu tư
33	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14c)	2408/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	75.000	10.000	10.000		649	3.000	3.000	UBND huyện Bù Gia Mập
34	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT 759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Dốp	362/QĐ-UBND ngày 05/2/2021	55.000	15.000	15.000		14.474	15.000	15.000	UBND huyện Bù Dốp
35	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Dốp	2063/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	160.000	20.000	20.000		20.000	20.000	20.000	UBND huyện Bù Dốp
36	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT 759B đoạn từ đồn biên phòng 789 đi song Măng qua cùa khẩu Hoàng Diệu	3281/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	110.000	15.000	15.000		1.580	15.000	15.000	UBND huyện Bù Dốp
37	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	236/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	80.000	15.000	15.000		593	5.000	5.000	UBND huyện Bù Dốp
38	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	2209/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	80.000	15.000	15.000		9.638	15.000	15.000	UBND TX Phước Long
39	Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khê Ba Định và nhà tù Bà Rá	2205/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	20.000	20.000		4.955	20.000	20.000	UBND TX Phước Long
40	Xây dựng, lấp nhau đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	2208/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	16.500	16.500		10.238	16.500	16.500	UBND TX Phước Long
41	Xây dựng, lấp nhau đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	3025/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	50.000	15.000	15.000		6.930	15.000	15.000	UBND TX Phước Long
42	Xây dựng đường và cải tạo lòng hồ Long Thủy, thi xã Phước Long	1985/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	80.000	8.000	8.000				8.000	UBND TX Phước Long
43	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hòn Quản	588/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	130.000	30.000	30.000				15.000	UBND TX Bình Long
44	Xây dựng đường liên xã Lộc Diện - Lộc Khánh kết nối QL13	2204/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	30.000	12.000	12.000				12.000	UBND huyện Lộc Ninh
45	Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	2138/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	30.000	13.000	13.000				9.575	UBND huyện Lộc Ninh
46	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	1461/QĐ-UBND ngày 03/7/2021	45.000	21.000	21.000				17.704	UBND huyện Lộc Ninh
47	Dương Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	2409/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	80.000	40.000	40.000				-	UBND TP Đồng Xoài
48	Xây dựng đường vào trại giam An Phước	1431/QĐ-UBND ngày 02/6/2021	65.000	13.000	13.000				10.725	13.000
49	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối DH 312 với đường ĐT 759	3072/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	25.000	25.000				23.437	25.000
50	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng)	2084/QĐ-UBND ngày 16/8/2021	50.000	20.000	20.000				9.652	14.000

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư										Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023									
		Trong đó:					Trong đó:					Trong đó:					Trong đó:				
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng số Chi XD&CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sá kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bối chi ngắn sách địa phương	Tổng số Chi XD&CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sá kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bối chi ngắn sách địa phương	Tổng số Chi XD&CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sá kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bối chi ngắn sách địa phương	Tổng số Chi XD&CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sá kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bối chi ngắn sách địa phương		
51	Xây dựng kết nối đường liên huyện Phù Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hòn Quản)	3/195/QĐ-UBND ngày 23/12/2021	90.000	25.000	25.000			17.966	20.000		20.000										UBND huyện Phù Riềng
52	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phù Riềng - Bù Đăng	1230/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	200.000	50.000	50.000			48.096	50.000		50.000										UBND huyện Phù Riềng
53	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hòn Quản	2064/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	110.000	20.000	20.000			19.316	20.000		20.000										UBND huyện Hòn Quản
<b>II. Hỗ trợ khu công nghiệp, KKT</b>		<b>460.000</b>	<b>123.740</b>	<b>31.000</b>	<b>92.740</b>	-	-	<b>66.880</b>	<b>138.440</b>	<b>36.000</b>	<b>88.440</b>	<b>14.000</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
1	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (tại doan II)	2025/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	100.000	31.000	31.000			8.252	31.000	31.000											Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng mương công thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	2029/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	50.000	5.000	5.000						5.000										Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng mương, công thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	2024/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	50.000	9.000	9.000						9.000										Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thai ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	1029/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	14.000	14.000			13.575	19.000	19.000											Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thai ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	1127/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	50.000	13.000	13.000						5.000	5.000									Ban QLDA ĐTXD tỉnh
6	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thai ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	1030/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	13.000	13.000			12.589	18.000	18.000											Ban QLDA ĐTXD tỉnh
7	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành II	1195/QĐ-UBND ngày 10/5/2021	66.000	28.740	28.740			22.464	28.740	28.740											Ban QLDA ĐTXD tỉnh
8	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu công nghiệp Đồng Xoài II)	809/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	50.000	10.000	10.000			10.000	22.700	22.700											Ban QLDA ĐTXD tỉnh
<b>III. Nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp</b>		<b>20.000</b>	<b>8.000</b>	<b>8.000</b>	-	-	-	<b>3.667</b>	<b>8.000</b>	-	-	<b>8.000</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	Chi cục Kiểm Lâm
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững	1420/QĐ-UBND ngày 01/6/2021	20.000	8.000	8.000						3.667	8.000									
<b>IV. Giáo dục và Đào tạo</b>		<b>841.500</b>	<b>390.000</b>	-	-	<b>390.000</b>	-	<b>127.335</b>	<b>485.250</b>	-	-	<b>485.250</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
1	Trường Cao đẳng Bình Phước	2953/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	150.000	3.000				3.000				250									Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng khôi phục phòng học, thư viện-trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT Đồng Xoài	1643a/QĐ-UBND ngày 20/7/2020	71.500	4.000				4.000				-									Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng Trường THPT Phù Riềng	2077/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	85.000	25.000				25.000				11.719	25.000								Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Lê Quý Đôn	1125/QĐ-UBND ngày 4/5/2021	15.000	6.000				6.000	6.000			6.000	6.000								UBND huyện Bü Đăng

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023					Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023					
			Trong đó:					Trong đó:					
			Tổng số	Chi XD&CB tập trung	Chi XD&CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sô kiến thiết	Dầu từ từ nguồn bối chi ngắn sách địa phương	Tổng số	Chi XD&CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sô kiến thiết	Dầu từ từ nguồn bối chi ngắn sách địa phương
5	Xây dựng 10 phòng học và nhà đa năng THPT Lương Thế Vinh	Số quyết định: ngày, tháng, năm 1149/QĐ-UBND ngày 5/4/2021	15,000	5,000			5,000		569	5,000		5,000	UBND huyện Bù Đăng
6	Xây dựng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Đương 10, huyện Bù Đăng	2146/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	50,000	20,000			20,000		16,743	20,000		20,000	UBND huyện Bù Đăng
7	Dự án kiên cố hóa phòng học ban, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ	2212/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	300,000	100,000			100,000		868	48,000		48,000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
8	Hỗ trợ các huyện xây dựng 450 phòng học		140,000	-			140,000		-	38,889	294,000	-	294,000
8.1	Hỗ trợ huyện Bù Đăng 1/0 phòng học		35,000				35,000		13,878	77,000		77,000	
8.2	Hỗ trợ huyện Giá Rai 6/4 phòng học		21,000				21,000		9,862	44,800		44,800	
8.3	Hỗ trợ huyện Bù Đốp 6/0 phòng học		21,000				21,000		4,200	42,000		42,000	
8.4	Hỗ trợ huyện Lộc Ninh 5/0 phòng học		21,000				21,000		4,18	35,000		35,000	
8.5	Hỗ trợ huyện Phú Riềng 26 phòng học		7,000				7,000		7,000	7,000		7,000	
8.6	Hỗ trợ huyện Đồng Phú 10 phòng học		7,000				7,000		2,366	7,000		7,000	
8.7	Hỗ trợ xã Chơn Thành 4/0 phòng học		28,000				28,000		8,750	28,000		28,000	
8.8	Hỗ trợ xã Bình Long 2/0 phòng học		14,000				14,000		14,000	14,000		14,000	
8.9	Hỗ trợ xã Phước Long 4/0 phòng học		7,000				7,000		2,905	28,000		28,000	
9	Xây dựng trường mầm non Tân Lập	2458/QĐ-UBND ngày 30/9/2020; 2808/QĐ-UBND ngày 01/1/2021	25,000	8,000			8,000		8,000	8,000		8,000	UBND huyện Đồng Phú
10	Xây dựng trường mầm non Đồng Nai (phục vụ KCN Minh Hưng - Sikico)	237/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	30,000	10,000			10,000		3,816	10,000		10,000	UBND huyện Hố Quian
11	Trường mẫu giáo Hoa Phượng xã Thới Sơn, huyện Bù Đăng	2072/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	20,000	5,000			5,000		5,000	5,000		5,000	UBND huyện Bù Đăng
12	Xây dựng Trường mẫu giáo xã Lộc Hưng	1995/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	20,000	9,000			9,000		7,009	9,000		9,000	UBND huyện Lộc Ninh
13	Xây dựng trường mầm non Phước Thiện	153/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	30,000	10,000			10,000		2,537	10,000		10,000	UBND huyện Bù Đốp
14	Xây dựng trường TH Thanh Bình B	883/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	30,000	10,000			10,000		7,500	10,000		10,000	UBND huyện Bù Đốp
15	Xây dựng trường THPT Bình Long	1990/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	150,000	35,000			35,000		18,685	35,000		35,000	UBND TX Bình Long
V	Y tế		250,000	99,000	-	-	99,000	-	7,030	50,000	-	50,000	-
1	Nâng cấp trung tâm y tế xã Phước Long	2213/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	50,000	24,500			24,500		2,030	24,500		24,500	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Nâng cấp trung tâm y tế huyện Lộc Ninh	2207/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	50,000	24,500			24,500		5,000	24,500		24,500	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Đầu tư trang thiết bị y tế khám chữa bệnh và phẫu thuật từ xa	3280/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	150,000	50,000			50,000		1,000	1,000		1,000	Sở Y tế
VI	Văn hóa xã hội		250,000	106,500	-	-	10,000	-	69,300	106,500	-	10,000	96,500

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023				Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023			
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT	Trong đó:		Trong đó:		Giải ngân 5 tháng đầu năm 2023	Đầu tư từ nguồn bối chi ngân sách địa phương	Xô sô kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bối chi ngân sách địa phương
				Tổng số Chi XD&B tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sô kiến thiết	Tổng số Chi XD&B tập trung	Tiền sử dụng đất			
1	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	2833/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	130.000	50.000		50.000	29.560	50.000		50.000	Dài PTTT H và Bảo Bình Phước
2	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	3078/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	46.500		46.500	36.768	46.500		46.500	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	2124/QĐ-UBND ngày 27/8/2020	40.000	10.000	10.000		2.972	10.000	10.000		UBND huyện Bù Gia Mập
<b>VII Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số</b>		<b>60.000</b>	<b>24.000</b>	-	<b>24.000</b>	-	<b>18.243</b>	<b>24.000</b>	-	<b>24.000</b>	-
1	Đầu tư hệ thống loa thông minh cho các xã, phường, thị trấn	3145/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	60.000	24.000		24.000	18.243	24.000		24.000	Sở Thông tin và Truyền thông
<b>VIII Quốc phòng - An ninh</b>		<b>70.000</b>	<b>38.000</b>	<b>21.500</b>	-	<b>16.500</b>	-	<b>17.329</b>	<b>38.000</b>	<b>21.500</b>	<b>-</b>
1	Xây dựng trụ sở làm việc của Ban CHQS thị xã Phước Long	152/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	35.000	16.500		16.500		16.500		16.500	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
2	Xây dựng Hội trường 400 chỗ Công An tỉnh	3004/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	35.000	21.500	21.500			17.329	21.500	21.500	Công an tỉnh
<b>C2 Dự án khởi công mới</b>		<b>1.514.000</b>	<b>577.930</b>	<b>30.580</b>	<b>417.510</b>	<b>129.840</b>	-	<b>20.156</b>	<b>112.230</b>	<b>26.580</b>	<b>20.650</b>
<b>I Giao thông - vận tải &amp; Hạ tầng giao thi</b>		<b>938.000</b>	<b>421.580</b>	<b>30.580</b>	<b>391.000</b>	-	<b>19.388</b>	<b>31.580</b>	<b>26.580</b>	<b>5.000</b>	<b>-</b>
1	Xây dựng đường kết nối ngang QL13 và tuyến Tây QL 13 đoạn Chợm Thành - Hoa Lư	1371/QĐ-UBND ngày 28/7/2022	150.000	134.000		134.000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Nâng cấp mở rộng ĐT 753B đoạn Lam Sơn - Đặng Hả	2106/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	220.000	195.000		195.000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng đường vành đai thi trấn Chơn Thành kết nối KCN BecameX	3157/QĐ-UBND ngày 18/12/2021	120.000	20.000	20.000				1.000	1.000	UBND thị xã Chơn Thành
4	Nâng cấp mở rộng đường Phù Riềng - Đèo từ TTHC huyện di Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú	1607/QĐ-UBND ngày 22/4/2021	38.000	12.000		12.000			2.000	2.000	UBND huyện Đồng Phú
5	Xây dựng đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành kết nối QL13	1146/QĐ-UBND ngày 05/5/2021	60.000	10.000		10.000					UBND huyện Lộc Ninh
6	Xây dựng đập lấp hồ nước cung cấp Sho TTHC huyện và đường đi Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, qua TTHC huyện Bù Gia Mập	2044/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	90.000	10.000		10.000		881	1.000	1.000	UBND huyện Bù Gia Mập
7	Xây dựng đường liên xã tít Bình Minh di Minh Hưng (tuyến trong)	988/QĐ-UBND ngày 16/4/2021	30.000	5.000		5.000					UBND huyện Đồng Phú
8	Xây dựng đường từ xã Tân Hưng, huyện Hòn Quán	1131/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	100.000	10.000	10.000				1.000	1.000	UBND huyện Hòn Quán
9	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hòn Quán	469/QĐ-UBND ngày 26/2/2021	130.000	25.580		25.580		18.507	25.580	25.580	UBND TX Bình Long
<b>II Giáo dục và Đào tạo</b>		<b>20.000</b>	<b>10.000</b>	-	<b>10.000</b>	-	<b>122</b>	<b>5.000</b>	-	<b>5.000</b>	-
1	Xây dựng Trường mẫu giáo Hoa Lan xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	1536/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	20.000	10.000		10.000		122	5.000	5.000	UBND huyện Bù Đăng
<b>III Văn hóa xã hội</b>		<b>80.000</b>	<b>56.350</b>	-	<b>26.510</b>	<b>29.840</b>	-	<b>646</b>	<b>15.650</b>	<b>-</b>	<b>15.650</b>

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023					Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023				
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng số Chi XD&CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sô kiến thiết	Trong đó:	Giải ngân 5 tháng đầu năm 2023	Tổng số Chi XD&CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sô kiến thiết
1	Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh BP	3271/QĐ-LBND ngày 30/12/2021	80,000	56.350	26.510	29.840	646	15.650	15.650	-	-	Ban QLDA DT&XD tỉnh
IV	Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số		476,000	90,000	-	-	90,000	-	60,000	-	60,000	-
1	Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng Chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	446,000	90,000	90,000			45,000		45,000		Sở Thông tin và Truyền thông
2	Đầu tư trang thiết bị cho bộ phận mới cùa các cấp và lực lượng Công an để triển khai mô hình dịch vụ công theo Đề án 06/CP		30,000					15,000		15,000		Công an tỉnh
D	Chương trình MTQG nông thôn mới (Đối ứng NSTW)			200,000		200,000	45,078	200,000		200,000		Phu lục 1.1
E	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Đối ứng NSTW)				30,000	30,000		17,000		17,000		Giao Ban Dân tộc chủ trị, phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn
F	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Đối ứng NSTW)				20,000	20,000		20,000		20,000		
G	Vốn chuẩn bị đầu tư			4,600	4,600					4,900		Phu lục 1.3
H	Tất toán công trình đã quyết toán			7,800		7,800	6,223	28,868		28,868		Phu lục 1.4

**Phụ lục 1.1**  
**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023			Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023			Chủ đầu tư
		Tổng số	Vốn TW	Vốn ngân sách tĩnh	Tổng số	Vốn TW	Vốn ngân sách tĩnh	
	<b>Chương trình MTQG nông thôn mới</b>	<b>349.080</b>	<b>149.080</b>	<b>200.000</b>	<b>349.080</b>	<b>149.080</b>	<b>200.000</b>	
1	Thanh toán hợp đồng mua xi măng tập trung 2022	13.303		13.303	57.403		57.403	Văn phòng Điều phối xây dựng NTM
2	Mua xi măng tập trung 2023	93.697		93.697	49.597		49.597	Văn phòng Điều phối xây dựng NTM
3	Hỗ trợ xã về đích (đạt chuẩn và nâng cao)	179.842	86.842	93.000	179.842	86.842	93.000	
3.1	Thị xã Chợn Thành	6.000		6.000	6.000		6.000	
	Xã Minh Lập (nâng cao)	6.000		6.000	6.000		6.000	
3.2	Huyện Đồng Phú	9.000		9.000	9.000		9.000	
	Xã Đồng Tiến (nâng cao)	9.000		9.000	9.000		9.000	
3.3	Huyện Hớn Quản	27.406	12.406	15.000	27.406	12.406	15.000	
	Xã Thanh An (đạt chuẩn)	18.406	12.406	6.000	18.406	12.406	6.000	
	Xã Tân Hiệp (nâng cao)	9.000		9.000	9.000		9.000	
3.4	Huyện Bù Đăng	45.812	24.812	21.000	45.812	24.812	21.000	
	Xã Dak Nhau (đạt chuẩn)	18.406	12.406	6.000	18.406	12.406	6.000	
	Xã Phước Sơn (đạt chuẩn)	18.406	12.406	6.000	18.406	12.406	6.000	
	Xã Bom Bo (nâng cao)	9.000		9.000	9.000		9.000	
3.5	Huyện Bù Đốp	9.000		9.000	9.000		9.000	
	Xã Thiên Hưng (nâng cao)	9.000		9.000	9.000		9.000	
3.6	Huyện Phú Riềng	45.812	24.812	21.000	45.812	24.812	21.000	
	Xã Phú Trung (đạt chuẩn)	18.406	12.406	6.000	18.406	12.406	6.000	
	Xã Phước Tân (đạt chuẩn)	18.406	12.406	6.000	18.406	12.406	6.000	
	Xã Bình Sơn (nâng cao)	9.000		9.000	9.000		9.000	
3.7	Huyện Lộc Ninh	18.406	12.406	6.000	18.406	12.406	6.000	
	Xã Lộc Phú (đạt chuẩn)	18.406	12.406	6.000	18.406	12.406	6.000	
3.8	Huyện Bù Gia Mập	18.406	12.406	6.000	18.406	12.406	6.000	
	Xã Đak O (đạt chuẩn)	18.406	12.406	6.000	18.406	12.406	6.000	
4	Huyện phản ánh đạt chuẩn	46.238	46.238		46.238	46.238		
4.1	Huyện Lộc Ninh	31.238	31.238		31.238	31.238		
4.2	Huyện Phú Riềng	15.000	15.000		15.000	15.000		
5	Thực hiện 6 chương trình chuyên đề phục vụ NTM	12.000	12.000		1.940	1940	0	
5.1	Chuyên đề OCOP	-			1.940	1940		
a	Huyện Bù Đăng	-			1.940	1940		
a1	Xã dak Nhau	-			1.940	1940		
	Hỗ trợ phát triển OCOP xanh (Quyết định số 1528/QĐ-BNN-VPDP ngày 14/4/2023)	-			1.940	1940		
6	7 xã về đích 2022 (cùng cõi, duy trì chất lượng tiêu chí)	-	0		7.000	7000	0	
6.1	Huyện Hớn Quản	-			1.000	1000		
	Xã Minh Đức	-			1.000	1000		
6.2	Huyện Lộc Ninh	-			2.000	2000		
	Xã Lộc Thành	-			1.000	1000		
	Xã Lộc Hòa	-			1.000	1000		
6.3	Huyện Bù Đốp	-			1.000	1000		
	Xã Phước Thiện	-			1.000	1000		
6.4	Huyện Phú Riềng	-			1.000	1000		
	Xã Long Hà	-			1.000	1000		
6.5	Huyện Bù Đăng	-			2.000	2000		
	Xã Thọ Sơn	-			1.000	1000		
	Xã Đoàn Kết	-			1.000	1000		
7	5 xã phản ánh về đích 2024 (đầu tư từng bước, nâng số lượng tiêu chí)	-			7.060	7060	0	
7.1	Huyện Hớn Quản	-			1.412	1412		
	Xã Tân Hưng	-			1.412	1412		
7.2	Huyện Bù Đăng	-			4.236	4236		
	Xã Nghĩa Bình	-			1.412	1412		
	Xã Đồng Nai	-			1.412	1412		
	Xã Đăng Hà	-			1.412	1412		
7.3	Huyện Bù Gia Mập	-			1.412	1412		
	Xã Phú Văn	-			1.412	1412		
8	Các nhiệm vụ khác	4.000	4.000		-			

Phụ lục 1.2

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI  
VÙNG ĐÔNG BẢO DTTS VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BẢN TỈNH NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số  
N/Q-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CÁC ĐƠN VỊ	Tổng số	CHI TIẾT THEO DỰ ÁN THÀNH PHẦN							
			Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐBDDTT& MN	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS và miền núi	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	Ghi chú	
		Trong đó:								
		Tổng số								
			Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách tỉnh
			Vốn NSTW	Vốn NSTW	Vốn NSTW	Vốn NSTW	Vốn NSTW	Vốn NSTW	Vốn NSTW	Vốn NSTW
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>Tổng vốn giao đợt 1</b>	<b>221.962</b>	<b>20.000</b>	<b>3.000</b>	<b>95.000</b>	<b>9.220</b>	<b>60.000</b>	<b>6.000</b>	<b>7.900</b>	<b>918</b>
1	Huyện Bù Đốp	17.484	15.895	1.589	3.320	332	5.750	60.000	6.000	7.900
2	Huyện Bù Đăng	32.082	29.165	2.917	8.580	858	4.500	11.360	1.136	2.525
3	Huyện Bù Gia Mập	57.257	52.052	5.205	5.100	510	25.000	2.500	17.790	1.779
4	Huyện Đồng Phú	4.334	3.940	394	1.800	180			2.140	214
5	Huyện Hớn Quản	2.860	2.600	260						
6	Huyện Phú Riềng	2.086	1.896	190	500	50				
7	Huyện Lộc Ninh	57.935	52.668	5.267	4.480	448	28.000	2.800	16.440	1.644

		CHI TIẾT THEO DỰ ÁN THÀNH PHẦN							
STT	CÁC ĐƠN VỊ	Tổng cộng các dự án của chương trình				Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS và miền núi			
		Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình		
	Tổng số			Trong đó:					
8	Thị xã Bình Long	1.606	1.460	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách tỉnh
9	Các sở ban ngành	1.910	1.660	NSTW	NSTW	NSTW	NSTW	NSTW	NSTW
9.1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	955	830	125					
9.2	Ban Dân tộc	955	830	125					
	Số vốn còn lại chưa giao	44.408	40.626	3.782	2.400	240	37.500	3.470	726
									72
									Giao Ban Dân tộc phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn khi có văn bản hướng dẫn của Trung ương

**Phụ lục 1.3**  
**DANH MỤC DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2023	Chủ đầu tư
	<b>Tổng số</b>	<b>1.666.000</b>	<b>4.200</b>	<b>4.900</b>	
1	Nâng cấp cải tạo khu Trường Cao đẳng nghề (cũ) và Đầu tư Trang thiết bị- xây dựng mới một số hạng mục cơ sở trong KCN Becamex - Bình Phước thuộc Trường Cao đẳng Bình Phước	430.000	1.700	-	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng đường kết nối Hòn Quản ra QL14 (xã Nha Bích, thị xã Chợ Thành)	150.000	600	550	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu-Thành phần tinh Bình Phước (2 trạm bơm và các kênh dẫn nước)	604.000		2.500	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng đường giao thông từ trung tâm xã Thanh Hòa đi cầu Bình Thắng kết nối với huyện Bù Gia Mập	66.000	260	250	UBND huyện Bù Đốp
5	Nâng cấp đường ĐT.759B đoạn từ Chợ Tân Thành đi Cửa khẩu Cầu Trắng - Giai đoạn 2	68.000	270	270	UBND huyện Bù Đốp
6	Nâng cấp, xây dựng đường và cầu Bù Dinh- Thanh Sơn xã Thanh An huyện Hòn Quản	80.000	300	300	UBND huyện Hòn Quản
7	Xây dựng đường liên xã Đức Liễu - Nghĩa Bình - Nghĩa Trung (kết nối với đường Sao Bóng - Đăng Hà)	140.000	560	520	UBND huyện Bù Đăng
8	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 760 từ cầu Đăk Ông, xã Phú Văn đi xã đường 10, huyện Bù Đăng	50.000	200	200	UBND huyện Bù Gia Mập
9	Xây dựng kho vũ khí đạn Bộ CHQS tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	43.000	170	170	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
10	Xây dựng Trại tạm giam Công an tỉnh (giai đoạn 2)	35.000	140	140	Công an tỉnh

**Phụ lục 1.4**  
**TỔNG KẾT THUẬN ĐÃ QUYẾT TOÁN**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự toán	Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
	<b>Tổng số</b>		<b>7.800</b>	<b>28.868</b>		
1	Trường THPT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.	1332/QĐ-UBND ngày 25/7/2022	4.468	4.468	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
2	Trung tâm y tế huyện Phú Riềng.	1692/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	226	226	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
3	Đường từ ĐT 741 đi dội 6 Bù Gia Phúc, xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.	2554/QĐ-UBND ngày 21/12/2020	639	639	UBND huyện Bù Gia Mập	Không vượt tổng mức đầu tư
4	Trường mầm non xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.	2023/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	518	518	UBND huyện Phú Riềng	Không vượt tổng mức đầu tư
5	Nâng cấp đường liên xã từ Minh Tâm đi An Phú, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.	860/QĐ-UBND ngày 05/4/2021	20	20	UBND huyện Hớn Quản	Không vượt tổng mức đầu tư
6	Hồ chứa nước Sơn Lợi, huyện Bù Đăng	1861/QĐ-UBND ngày 07/10/2022	197	197	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
7	Nâng cấp , mở rộng đường Lộc Tân-Bù Đốp (ĐT 759B) đoạn K8+000 đến Km10+500 huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.	1860/QĐ-UBND ngày 07/10/2022	328	328	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
8	Xử lý sạt lở, đam bão giao thông khẩn cấp đoạn KM16+000 đến Km21+369 đường Sao Bong - Đăng Hà, tỉnh Bình Phước: Hoàn thiện mặt đường Bê tông nhựa 2 lớp và công trình phụ trợ	1859/QĐ-UBND ngày 07/10/2022	87	87	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
9	Khu tưởng niệm thuộc khu di tích lịch sử căn cứ bộ chỉ huy quân sự giải phóng Miền Nam Việt Nam	751/QĐ-UBND ngày 13/4/2020	29	29	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
10	Nhà đón tiếp khu di tích lịch sử căn cứ bộ chỉ huy Miền Nam Việt Nam	753/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	41	41	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
11	Nối dài hạ lưu mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Minh Hưng - Hàn Quốc	38/QĐ-STC ngày 23/6/2022	889	889	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
12	Đầu nối hạ tầng KDC Phú Thịnh (Giai đoạn 1) P. Tân Phú, TP. Đồng Xoài với đường Hồ Xuân Hương	40/QĐ-STC ngày 27/6/2022	78	78	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
13	Hệ thống thủy lợi Hưng Phú, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng	204/QĐ-STC ngày 28/12/2018	11	11	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
14	Phương án và dự toán chi phí hỗ trợ thực hiện đào mới và cải tạo, nâng cấp giềng đào xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản	72/QĐ-STC ngày 05/6/2018	7	7	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
15	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước SHTT xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp	77/QĐ-STC ngày 05/6/2019	18	18	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
16	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đa Bo, huyện Bù Đăng.	75/QĐ-STC ngày 25/8/2022	50	50	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
17	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bàu úm, xã Tân Khai.	76/QĐ-STC ngày 25/8/2022	39	39	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
18	Xây dựng Trung tâm phát xạ BTV Đài phát thanh - truyền hình và Báo Bình Phước.	119/QĐ-STC ngày 16/10/2019	46	46	Đài phát thanh- Truyền hình và Báo Bình Phước	Không vượt tổng mức đầu tư
19	Trung tâm văn hóa thông tin tỉnh Bình Phước.	Báo cáo số 2004/BC-STC ngày 22/7/2021	109		BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã tắt hoàn thành
20	Trường mầm non Tân Phước, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.	2099/QĐ-UBND ngày 09/11/2022		67	UBND huyện Đồng Phú	Không vượt tổng mức đầu tư

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự toán	Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
21	Nâng cấp mở rộng đường Phan Chu Trinh kết nối với Quốc lộ 13, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	364/QĐ-UBND ngày 07/3/2023		6.547	UBND huyện Lộc Ninh	Không vượt tổng mức đầu tư
22	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2018	659/QĐ-UBND ngày 15/3/2021		81	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước	Không vượt tổng mức đầu tư
23	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Bình Phước	382/QĐ-UBND ngày 13/3/2023		7.322	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
24	Xây dựng Ký túc xá Trường chính trị tỉnh Bình Phước	540/QĐ-UBND ngày 06/4/2023		306	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
25	Đầu tư trang thiết bị Ký túc xá và 06 phòng học Trường Chính trị tỉnh	918/QĐ-UBND ngày 02/6/2023		6.725	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
26	Xây dựng đường giao thông khu dân cư áp 1, xã Tiên Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	542/QĐ-UBND ngày 06/4/2023		129	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư

**Biểu số 2**

**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số

/NQ-HĐND ngày

tháng

năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

*Đơn vị: Triệu đồng.*

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn vốn NSTW	Kế hoạch năm 2023	Giải ngân 5 tháng đầu năm 2023	Kế hoạch điều chỉnh năm 2023	Chủ đầu tư
		TMDT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành					
<b>TỔNG SỐ</b>								
A	Chương trình mục tiêu quốc gia		2.729.000	2.665.800	3.479.431	998.121	141.026	998.121
I	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		-	-	1.332.631	354.121	33.627	354.121
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững				529.110	149.080	12.757	149.080
III	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				10.111	3.079	3.079	Chi tiết Phụ lục 2.2
B	Các chương trình mục tiêu				793.410	201.962	20.870	201.962
I	Các dự án chuyển tiếp				2.555.000	2.491.800	470.000	470.000
1	Giao thông				2.555.000	2.491.800	470.000	470.000
					1.820.000	1.756.800	300.000	14.472
				2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 387QĐ/UBND ngày 8/2/2021; 1631/QĐ-UBND ngày 7/9/2022				
1.1	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư			1.450.000	1.105.000	250.000	10.750	150.000
1.2	Xây dựng đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Ché Biển đi cầu Đò xã Lộc Điền)			150.000	135.000	50.000	3.722	50.000

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch điều chỉnh năm 2023	Chủ đầu tư
		TMDT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	
1.3	Xây dựng đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	2178/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	220.000	171.800	171.800	24.000
<b>2</b>	<b>Hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế</b>					
2.1	Nâng cấp, mở rộng đường từ khu công nghiệp Việt Kiều kết nối với khu công nghiệp Minh Hưng Sikico huyện Hớn Quản	551/QĐ-UBND ngày 5/3/2021	185.000	185.000	185.000	UBND huyện Hớn Quản
2.2	Xây dựng tuyến đường từ khu quy hoạch trung tâm hành chính xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú kết nối với khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	214/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	400.000	400.000	400.000	UBND huyện Đồng Phú
<b>3</b>	<b>Quốc phòng</b>					
3.1	Xây dựng đường vào các đồn biên phòng: Đăk O huyện Bù Gia Mập; Phước Thiện huyện Bù Đốp; Lộc An huyện Lộc Ninh; Lộc thiện huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới	216/QĐ-UBND ngày 25/1/2021	150.000	150.000	150.000	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh
<b>C</b>	<b>Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</b>					
<b>I</b>	<b>Các dự án khởi công mới năm 2023</b>					
1	Nâng cấp, mở rộng trung tâm y tế thị xã Bình Long		174.000	174.000	174.000	Ban QLDA DTXD tỉnh

**Phụ lục 2.1**  
**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**  
**CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2023**

**Nguồn ngân sách Trung ương**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023
	<b>Dự án 4: Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững</b>	<b>3.079</b>	<b>3.079</b>
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2.155	2.155
2	Các huyện, thị xã, thành phố	924	924
2.1	Thị xã Phước Long	48	48
2.2	Thành phố Đồng Xoài	68	68
2.3	Thị xã Bình Long	51	51
2.4	Huyện Bù Gia Mập	102	102
2.5	Huyện Lộc Ninh	94	94
2.6	Huyện Phú Riềng	82	82
2.7	Huyện Bù Đốp	75	75
2.8	Huyện Hớn Quản	115	115
2.9	Huyện Đồng Phú	71	71
2.10	Huyện Bù Đăng	150	150
2.11	Thị xã Chơn Thành	68	68

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

Dự thảo

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua dự kiến Kế hoạch vốn đầu tư công  
nguồn ngân sách địa phương năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

Xét Báo cáo số 180/BC-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 39/BC-HĐND-KTNS ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua dự kiến Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024 với các nội dung như sau:

**I. Tổng nguồn vốn ngân sách địa phương là 6.694 tỷ 430 triệu đồng, bao gồm:**

- Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung: 552 tỷ 430 đồng triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 5.142 tỷ đồng.
- Nguồn thu xổ số kiến thiết: 1.000 tỷ đồng.

(Kèm theo biểu tổng hợp)

**II. Phương án phân bổ: 6.694 tỷ 430 triệu đồng, bao gồm:**

- 1.1. Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung: 552 tỷ 430 triệu đồng

Trong đó:

- Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố: 321 tỷ 615 triệu đồng  
(quy định tại Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020)

- Thực hiện dự án: 230 tỷ 815 triệu đồng
- + Dự án chuyển tiếp sang năm 2024: 104 tỷ 315 triệu đồng
- + Dự án khởi công mới năm 2024: 126 tỷ 500 triệu đồng

- 1.2. Vốn từ nguồn thu sử dụng đất: 5.142 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố (thu của các huyện, thị xã, thành phố để chi XDCB theo Nghị quyết 15/2021/NQ-HĐND): 810 tỷ đồng

- Vốn đối ứng nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở giai đoạn 2021- 2025: 18 tỷ đồng

- Thực hiện dự án: 4.314 tỷ đồng
- + Dự án chuyển tiếp sang năm 2024: 2.515 tỷ đồng
- + Dự án khởi công mới năm 2024: 1.799 tỷ đồng

- 1.3. Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 1.000 tỷ đồng, trong đó:

- Trả nợ vay ODA (dự án Minh Lập -Lộc Hiệp) 16 tỷ 070 triệu đồng

- Thực hiện dự án: 744 tỷ 930 triệu đồng

- + Dự án chuyển tiếp sang năm 2024: 706 tỷ 930 triệu đồng

- + Dự án khởi công mới năm 2024: 38 tỷ đồng

- Chương trình MTQG nông thôn mới: 159 tỷ đồng

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 30 tỷ đồng

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 20 tỷ đồng

- Vốn chuẩn bị đầu tư: 10 tỷ đồng
- Tát toán công trình đã quyết toán: 20 tỷ đồng

Riêng nguồn thu xổ số kiến thiết bố trí cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và y tế là 537 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 53,7%; bố trí vốn cho xây dựng nông thôn mới là 159 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 15,9% đảm bảo không thấp hơn quy định của trung ương.

*(Kèm theo biểu số 1)*

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ Mười một thông qua ngày tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Noi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TC, Bộ KH&ĐT;
- TU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Thị Hằng**

**BIỂU TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024**  
 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NO-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2023		Thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm 2023		Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023		Ước thực hiện cả năm 2023			Đơn vị: Triệu đồng		
			TW giao	Tỉnh giao	Số vốn	TW giao	Tỉnh giao	Số vốn	TW giao	Tỉnh giao	Số vốn			
	<b>TỔNG SỐ</b>	39.824.811	7.424.731	5.755.631	1.405.230	18,9	24,4	1.954.484	26,3	34,0	5.470.484	73,7	95,0	
<b>I</b>	<b>Vốn ngân sách trung ương</b>	<b>6.538.565</b>	<b>998.121</b>	<b>824.121</b>	<b>116.821</b>	<b>11,7</b>	<b>14,2</b>	<b>244.000</b>	<b>24,4</b>	<b>29,6</b>	<b>810.000</b>	<b>81,2</b>	<b>98,3</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn trong nước</b>	<b>6.269.665</b>	<b>998.121</b>	<b>824.121</b>	<b>116.821</b>	<b>11,7</b>	<b>14,2</b>	<b>244.000</b>	<b>24,4</b>	<b>29,6</b>	<b>810.000</b>	<b>81,2</b>	<b>98,3</b>	
	Trong đó:													
1	Các Chương trình mục tiêu	4.763.034	470.000	470.000	83.188	17,7	17,7	200.000	42,6	42,6	465.000	98,9	98,9	
2	Các Chương trình mục tiêu quốc gia	1.332.631	354.121	354.121	33.633	9,5	9,5	44.000	12,4	12,4	345.000	97,4	97,4	
-	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào	793.410	201.962	201.962	20.870	10,3	10,3	23.500	11,6	11,6	195.921	97,0	97,0	
-	dân tộc thiểu số và miền núi													
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	10.111	3.079	3.079				500	16,2	16,2	3.079	100,0	100,0	
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	529.110	149.080	149.080	12.763	8,6	8,6	20.000	13,4	13,4	146.000	97,9	97,9	
3	Chương trình phúc lợi và phát triển kinh tế - xã hội	174.000	174.000											
2	<b>Vốn nước ngoài</b>	268.900												
<b>II</b>	<b>Vốn ngân sách địa phương</b>	<b>33.286.246</b>	<b>6.426.610</b>	<b>4.931.510</b>	<b>1.288.409</b>	<b>20,0</b>	<b>26,1</b>	<b>1.710.484</b>	<b>26,6</b>	<b>34,7</b>	<b>4.660.484</b>	<b>72,5</b>	<b>94,5</b>	
1	Chi xây dựng cơ bản vốn lập trung ương	2.693.600	502.210	213.610	42,5	42,5	310.000	61,7	61,7	470.000	93,6	93,6	552.430	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	25.748.369	5.000.000	3.514.900	803.030	16,1	22,8	1.000.000	20,0	28,5	3.320.000	66,4	94,5	5.142.000
2.1	Khối tỉnh					1.981.200								
2.2	Khối huyện					1.533.700								
3	Đầu tư từ nguồn thu Xô sô kiên thiết	4.680.415	900.000	890.000	271.285	30,1	30,5	400.000	44,4	44,9	870.000	96,7	97,8	810.000
4	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngắn sách địa phương	112.100	24.400	24.400	484	2,0	2,0	484	2,0	2,0	484	2,0	2,0	

## Biểu số 1

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024			Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT			Tổng số	Chi XD&CB tập trung	Tiền sử dụng đất	
	<b>Tổng số</b>		41.949.986	24.442.146	11.009.724	6.694.430	552.430	5.142.000	1.000.000
A	Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố			8.967.024	6.193.132	1.131.615	321.615	810.000	-
B	Trả nợ vay ODA (Đır án Minh Lập - Lộc Hiệpp)	495.557	64.860	33.000	16.070				16.070
C	Vốn đối ứng nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở giai đoạn 2021 - 2025	140.000	28.000			18.000		18.000	
D	Vốn thực hiện dự án	41.454.429	13.552.500	3.255.314	5.289.745	230.815	4.314.000	744.930	
D1	Dự án chuyển tiếp	11.238.609	9.383.200	3.238.314	3.326.245	104.315	2.515.000	706.930	
I	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị	9.282.609	6.822.800	1.864.784	2.417.500	-	2.417.500	-	
1	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chợn Thành - Hoa Lư (đồi úng NSTW)	2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 387/QĐ-UBND ngày 8/2/2021; 1631/QĐ-UBND ngày 7/9/2022	1.450.000	345.000	65.685	125.972		125.972	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tân đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư (đồi úng NSTW)	987/QĐ-UBND ngày 7/5/2020	450.000	47.000	20.000	27.000		27.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	2818/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	282.609	219.800	142.930	76.000		76.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	2293/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	180.000	110.000	65.600	24.400		24.400	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Xây dựng đường kết nối ngang QL14 kéo dài DT 755 nối DT 753	1969/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	100.000	90.000	76.000	14.000		14.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
6	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chon Thành	3075/QĐ-UBND ngày 03/12/2021; 1456/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	1.450.000	1.305.000	21.769	300.000		300.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				
			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Tổng số	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất
							Xô số kiến thiết
7	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bầu Bàng	Số quyết định: ngày, tháng, năm ngày 24/5/2021	TMDT	1328/QĐ-UBND ngày 24/5/2021	440.000	396.000	51.999
8	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1,2 kết nối QL14	3076/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	450.000	405.000	77.500	100.000	100.000
9	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	1988/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	250.000	225.000	116.000	59.000	59.000
10	Đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	2409/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	80.000	72.000	10.352	21.440	21.440
11	Xây dựng đường trục chính từ DT.741 vào khu công nghiệp và khu dân cư Đồng Phú	213/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	340.000	306.000	42.000	70.000	70.000
12	Xây dựng đường giao thông từ DT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	215/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	130.000	117.000	35.550	50.000	50.000
13	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	2129/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	372.000	334.800	150.000	84.000	84.000
14	Nâng cấp mở rộng đường Phú Riềng Đô từ TTHC huyện di Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú	1607/QĐ-UBND ngày 22/4/2021	38.000	34.200	2.000	22.200	22.200
15	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	270.000	243.000	70.000	70.000	70.000
16	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan	3316/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	60.000	54.000	31.000	14.000	14.000
17	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan huyện Hớn Quản	550/QĐ-UBND ngày 05/3/2021	180.000	162.000	25.000	70.000	70.000
18	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản	2064/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	110.000	99.000	32.484	66.510	66.510
19	Xây dựng đường từ xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản đi xã Long Tân, huyện Phú Riềng	1131/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	100.000	90.000	1.000	40.000	40.000
20	Hỗ trợ Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	2141/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	130.000	117.000	895	41.100	41.100

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư	Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024			
							Tổng số	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết
							Trong đó:			
										Chủ đầu tư
21	Xây dựng Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (từ QL14 nối với quy hoạch dự án Becamex - Bình Phước)	1274/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	60.000	54.000	520	28.480	28.480			UBND thị xã Chơn Thành
22	Xây dựng đường vành đai thị trấn Chơn Thành kết nối KCN Becamex	3157/QĐ-UBND ngày 18/12/2021	120.000	108.000	1.000	70.000	70.000			UBND thị xã Chơn Thành
23	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	588/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	130.000	117.000	45.660	56.340	56.340			UBND TX Bình Long
24	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	469/QĐ-UBND ngày 26/2/2021	130.000	79.300	25.580	53.720	53.720			UBND TX Bình Long
25	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé ( nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	2209/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	80.000	72.000	30.000	42.000	42.000			UBND TX Phước Long
26	Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khê Bà Định và nhà tù Bà Rá	2205/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	54.000	30.000	24.000	24.000			UBND TX Phước Long
27	Xây dựng, lát nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	2208/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	54.000	28.500	25.500	25.500			UBND TX Phước Long
28	Xây dựng, lát nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	3025/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	50.000	45.000	25.000	20.000	20.000			UBND TX Phước Long
29	Xây dựng đường liên xã Lộc Điện - Lộc Khánh kết nối QL13	2204/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	30.000	27.000	16.000	11.000	11.000			UBND huyện Lộc Ninh
30	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Khánh kết nối QL13	2138/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	30.000	27.000	14.700	12.300	12.300			UBND huyện Lộc Ninh
31	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	1461/QĐ-UBND ngày 03/7/2021	45.000	40.500	24.000	16.500	16.500			UBND huyện Lộc Ninh
32	Xây dựng đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành kết nối QL13	1146/QĐ-UBND ngày 05/5/2021	60.000	54.000	-	44.000	44.000			UBND huyện Lộc Ninh
33	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL.14 đi xã Đăk Nhau	2175/QĐ-UBND ngày 01/9/2020	80.000	72.000	51.000	21.000	21.000			UBND huyện Bù Đăng

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024			
			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Trong đó:	
					Tổng số	Chi XD&CB tập trung
34	Xây dựng liên xã Đồng Nai đi xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT			
35	Xây dựng đường liên xã từ Bình Minh đi Minh Hưng (tuyến trong)	1920/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	40.000	36.000	7.000	29.000
36	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện Bù Gia Mập	988/QĐ-UBND ngày 16/4/2021	30.000	27.000	1.000	22.000
37	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH từ xã Đa Kía qua xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	2125/QĐ-UBND ngày 27/08/2020	90.000	81.000	65.000	16.000
38	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.760 từ ngã tư DT.741 đến cầu Đák O (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ DT.741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	584/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	60.000	54.000	28.000	26.000
39	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14c)	2140/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	150.000	135.000	90.000	45.000
40	Xây dựng dập lấp hồ nước cung cấp cho TTTHC huyện và đường đầu nối tuyến đường ĐT 760 chạy qua TTTHC huyện Bù Gia Mập	2044/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	90.000	81.000	1.000	50.000
41	Nâng cấp, mở rộng đường từ DT.759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Dốp	362/QĐ-UBND ngày 05/2/2021	55.000	49.500	27.000	22.500
42	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Dốp	2063/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	160.000	54.500	35.000	19.500
43	Nâng cấp, mở rộng đường từ DT.759B đoạn từ đồn biên phòng 789 đi sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu	3281/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	110.000	99.100	21.000	50.000
44	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	236/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	80.000	72.100	16.000	46.100
45	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối DH 312 với đường DT 759	3072/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	108.000	33.528	74.470
46	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng)	2084/QĐ-UBND ngày 16/8/2021	50.000	45.000	22.000	17.000

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư	Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024			
							Tổng số	Chi XD&CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết
										Chủ đầu tư
										Trong đó:
47	Xây dựng kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Huyện)	3195/QĐ-UBND ngày 23/12/2021	90.000	81.000	28.000	48.000	48.000			UBND huyện Phú Riềng
48	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	1230/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	200.000	180.000	110.000	70.000	70.000			UBND huyện Phú Riềng
49	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	2022/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	85.000	76.500	26.000	45.500	45.500			UBND huyện Phú Riềng
<b>II Hỗn tàng khu công nghiệp, KKT</b>			<b>250.000</b>	<b>225.000</b>	<b>137.200</b>	<b>79.800</b>	<b>-</b>	<b>79.800</b>	<b>-</b>	
1	Xây dựng mương công thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	2029/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	50.000	45.000	30.500	14.500	14.500			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	1029/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	45.000	34.000	11.000	11.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	1127/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	50.000	45.000	14.000	23.000	23.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	1030/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	45.000	27.000	18.000	18.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu CN Đồng Xoài II)	809/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	50.000	45.000	31.700	13.300	13.300			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
<b>III Nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp</b>			<b>20.000</b>	<b>18.000</b>	<b>13.000</b>	<b>5.000</b>	<b>-</b>	<b>5.000</b>	<b>-</b>	
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững	1420/QĐ-UBND ngày 01/6/2021	20.000	18.000	13.000	5.000	5.000			Chi cục Kiểm Lâm
<b>IV Giáo dục và Đào tạo</b>			<b>730.000</b>	<b>1.454.000</b>	<b>978.570</b>	<b>419.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>419.000</b>	
1	Trường Cao đẳng Bình Phước	2319/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 2953/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	150.000	110.000	90.250	17.000	17.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bão DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ	2212/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	300.000	270.000	59.320	157.000	157.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024			
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Tổng số
						Đã bố trí vốn đến năm 2023
3	Hỗ trợ các huyện xây dựng 1.200 phòng học		840.000		665.000	175.000
4	Xây dựng trường mầm non Đồng Nơ (phục vụ KCN Minh Hưng - Sikico)	237/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	30.000	27.000	20.000	7.000
5	Xây dựng trường mầm non Phước Thiện	153/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	30.000	27.000	20.000	7.000
6	Xây dựng trường TH Thanh Bình B	883/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	30.000	27.000	20.000	7.000
7	Xây dựng trường TH Thanh Bình Long	1990/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	150.000	135.000	98.000	37.000
8	Trường mẫu giáo Hoa Phượng xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	2072/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	20.000	18.000	6.000	12.000
9	Xây dựng Trường mẫu giáo Hoa Lan xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	1536/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	20.000	18.000	5.000	13.000
V	Y tế		150.000	135.000	1.660	100.000
1	Đầu tư trang thiết bị y tế khám chữa bệnh và phẫu thuật từ xa	3280/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	150.000	135.000	1.660	100.000
VI	Văn hóa xã hội		330.000	297.000	178.100	89.815
1	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	2833/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	130.000	117.000	80.572	34.815
3	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	3078/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	108.000	81.528	25.000
4	Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh BP	3271/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	80.000	72.000	16.000	30.000
VII	Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số		476.000	431.400	65.000	215.130
1	Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng Chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025	18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021	446.000	401.400	50.000	200.630
2	Đầu tư trang thiết bị cho bộ phận một cửa các cấp và lực lượng Công an để triển khai mô hình dịch vụ công theo Đề án 06/CP		30.000	30.000	15.000	14.500
D2	Dự án khởi công mới		30.215.820	4.169.300	17.000	1.963.500
I	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		29.058.000	3.483.100	-	1.679.000
					50.000	1.629.000
						-

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024			
			Trong đó:		Chủ đầu tư	
			Tổng số	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết
1	Xây dựng đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh-Thủ Dầu Một-Chơn Thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Tổng số	Chi XDCB tập trung
2	Đường cao tốc Gia Nghĩa (Đăk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	TMDT	1.474.000	314.000	314.000	314.000
3	Xây dựng đường Đồng Phú - Bình Dương (doan ĐT753 - ranh Bình Dương)	25.540.000	1.233.500	480.000	480.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng đường nối Đường vòng quanh Hồ Phước Hòa với khu công nghiệp Đồng Xoài I	960.000	960.000	500.000	500.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Xây dựng đường vành đai thành phố Đồng Xoài từ khu Công nghiệp Đồng Xoài I đến đường Phú Riềng Đò thành đến KCN Chơn Thành	2105/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	120.000	108.000	50.000	50.000
6	Xây dựng đường liên khu phố 4, khu phố 5 TT Chơn Thành	813/QĐ-UBND ngày 05/5/2022	300.000	270.000	100.000	100.000
7	Xây dựng các tuyến đường ngang kết nối tuyến cao tốc Chơn Thành - Hoa Lư (phía Tây QL13)	79/QĐ-UBND ngày 16/01/2023	100.000	90.000	50.000	50.000
8	Xây dựng đường liên xã Lộc Thuận - Lộc Hiệp - Lộc Quang kết nối đường ĐT756 và ĐT759B	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	80.000	72.000	15.000	15.000
9	Xây dựng đường Tà Thiết - Hoa Lư kết nối đường phía Tây QL13	1459/QĐ-UBND ngày 03/6/2021	80.000	72.000	35.000	35.000
10	Đường và cầu từ xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Thanh Hòa, huyện Bù Dốp	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020; 03/NQ-HĐND ngày 16/4/2021	100.000	90.000	30.000	30.000
11	Xây dựng đường liên xã từ Phú Nghĩa đi Phú Văn	1139/QĐ-UBND ngày 20/6/2022	65.000	58.500	20.000	20.000
12	Xây dựng đường liên xã Đăk Nhau, huyện Bù Đăng tới xã Đăk Ngo, Tuy Đức	1145/QĐ-UBND ngày 05/5/2021	50.000	45.000	15.000	15.000
13	Xây dựng đường liên xã Phú Sơn - Đồng Nai, huyện Bù Đăng	1231/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	30.000	27.000	15.000	15.000

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư	Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024			
							Tổng số	Chi XDCC tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết
14	Xây dựng đường liên xã Thông nhất đi xã Phước Sơn huyện Bù Đăng	1430/QĐ-UBND ngày 02/6/2022	65.000	58.500		15.000		15.000		UBND huyện Bù Đăng
15	Xây dựng đường kết nối 2 Khu công nghiệp Long Tân - Long Hà	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	40.000	36.000		20.000		20.000		UBND huyện Phú Riềng
<b>II</b>	<b>Nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp</b>		<b>919.820</b>	<b>471.500</b>	<b>17.000</b>	<b>155.000</b>	<b>15.000</b>	<b>140.000</b>	<b>-</b>	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
1	Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu- Thành phần tinh Bình Phước (2 trạm bom và các kênh dẫn nước) (đối ứng ODA)	631/QĐ-TTg ngày 20/5/2022	604.820	156.000		50.000		50.000		Liên minh HTX
2	Bổ sung thêm vốn điều lệ phát triển hợp tác xã				32.000	17.000	15.000			
3	Dầu tư, cải tạo hệ thống thủy lợi, khai thông ngập úng cánh đồng Sơn Long (từ khu vực hồ Đak tol phường Sơn Giang đến thôn An Lương xã Long Giang)	2056/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	140.000	126.000		50.000		50.000		UBND thị xã Phước Long
4	Cải tạo suối chống hàn (đoạn từ chân đập nước Lộc tấn đến cầu Ché Biển)	08/QĐ-UBND ngày 04/01/2023	100.000	90.000		40.000		40.000		UBND huyện Lộc Ninh
5	Xây dựng hệ thống kênh mương tưới tiêu cho cánh đồng Dảng Hà, huyện Bù Đăng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	75.000	67.500		-				UBND huyện Bù Đăng
<b>III</b>	<b>Giáo dục và Đào tạo</b>		<b>55.000</b>	<b>49.500</b>	<b>-</b>	<b>28.000</b>	<b>-</b>	<b>10.000</b>	<b>18.000</b>	UBND huyện Lộc Ninh
1	Xây dựng Trường mẫu giáo xã Lộc Thái	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	20.000	18.000		18.000			18.000	
2	Xây dựng Trường mầm non phục vụ Khu công nghiệp Long Hà	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	35.000	31.500		10.000		10.000		UBND huyện Phú Riềng
<b>IV</b>	<b>Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số</b>		<b>55.000</b>	<b>50.000</b>	<b>-</b>	<b>50.000</b>	<b>30.000</b>	<b>-</b>	<b>20.000</b>	
1	Dầu tư hệ thống giám sát giao thông, an ninh trên địa bàn tỉnh	1922/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	55.000	50.000		50.000	30.000		20.000	Công an tỉnh
<b>V</b>	<b>Quốc phòng - An ninh</b>		<b>128.000</b>	<b>115.200</b>	<b>-</b>	<b>51.500</b>	<b>31.500</b>	<b>20.000</b>	<b>-</b>	
1	Xây dựng kho vũ khí đạn B6 CHQS tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	28/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	43.000	38.700		10.000		10.000		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
2	Sở chỉ huy thốt nhất tỉnh Bình Phước - giai đoạn 1; Mật danh: HBP-2 / GBJ	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	50.000	45.000		10.000		10.000		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
3	Xây dựng Trại tạm giam Công an tỉnh (giai đoạn 2)	744/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	35.000	31.500		31.500		31.500		Công an tỉnh

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư	Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT	Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024			
							Tổng số	Chi XD&CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết
E	Chương trình MTQG nông thôn mới (Đối ứng NSTW)				1.295.000	1.136.000	159.000		159.000	Văn phòng Điều phối Xây dựng NTM phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn
F	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Đối ứng NSTW)				250.000	161.000	30.000		30.000	Giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở LĐTBXH và Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh phân bổ chi tiết vốn
G	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Đối ứng NSTW)				80.000	36.000	20.000		20.000	Giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn
H	Vốn chuẩn bị đầu tư					78.387	45.960	10.000	10.000	
I	Tất toán công trình đã quyết toán				154.375	149.318	20.000		20.000	